

NGÂN HÀNG ĐỀ LÝ THUYẾT MÔN HỌC GDQP&AN KHỐI LỚP 11

(Biên soạn theo văn bản số 3504/GDĐT-TrH, ngày 30 tháng 9 năm 2019 của
Sở GD&ĐT TP.HCM)

- Tổng hợp và biên soạn: Phạm Quốc Đạt
- Giáo viên: THPT Thủ Đức

TT	Bài học	Số câu hỏi	Ghi chú
1.	- BÀI 1: Luật nghĩa vụ quân sự	51	
2.	- BÀI 2: Kỹ thuật sử dụng súng AK	79	
3.	- BÀI 3: Kỹ thuật sử dụng lựu đạn	38	
4.	- BÀI 4: Cấp cứu chuyên thương	30	
5.	- BÀI 5: Phòng không nhân dân	43	
6.	- BÀI 6: Các tư thế vận động	31	
7.	- BÀI 7: Chủ quyền lãnh thổ QG	54	
TỔNG CỘNG		326	

(Lưu Ý Tất Cả Các Câu Hỏi Đáp Án Đều Là “A”)

KHUNG KẾ GIÁO DỤC MÔN GDQP&AN 11

NĂM HỌC 2022 - 2023

(Thực hiện theo văn bản 3504/2019 của Sở giáo dục và Đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh)

Nội dung/Tên bài học	Số tiết		Tổng số tiết	Ghi chú
	Lý thuyết	Thực Hành		
Bài 1: Luật Nghĩa Vụ Quân Sự Và Trách Nhiệm Của Học Sinh.	4		4	SGK hiện hành
Bài 2: Giới Thiệu Súng Tiểu Liên AK Và Súng Trường CKC.	1	4	5	SGK hiện hành
Bài 3: Kỹ Thuật Sử Dụng Lựu Đạn.	1	4	5	SGK hiện hành
Bài 4: Kỹ Thuật Cấp Cứu Và Chuyển Thương + Băng Nẹp.	1	3	4	SGK hiện hành
Bài 5: Công Tác Phòng Không Nhân Dân	3		3	Thông tư 02
Bài 6: Các Tư Thế, Động Tác Cơ Bản Vận Động Trên Chiến Trường.		6	6	Thông tư 02
Bài 7: Bảo Vệ Chủ Quyền Lãnh Thổ Và Biên Giới Quốc Gia.	4		4	SGK hiện hành
KIỂM TRA:	2	2	4	
TỔNG CỘNG	15	20	35	

MỤC LỤC

KHUNG KẾ GIÁO DỤC MÔN GDQP&AN 11

BÀI LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ.....	1
BÀI KỸ THUẬT SỬ DỤNG SÚNG AK – CKC	8
BÀI KỸ THUẬT SỬ DỤNG Lựu Đạn.....	17
BÀI CẤP CỨU CHUYÊN THUƠNG.....	22
BÀI CÔNG TÁC PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN.....	26
BÀI CÁC TƯ THẾ VẬN ĐỘNG TRÊN CHIẾN TRƯỜNG.....	32
BÀI CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ QUỐC GIA.....	36

BÀI LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ

- 1. Kiểm tra sức khỏe cho những người đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu là bao nhiêu tuổi?**
 - a. 17 tuổi
 - b. 16 tuổi
 - c. 18 tuổi
 - d. 19 tuổi
- 2. Luật nghĩa vụ quân sự năm 2005 có mấy Chương, Điều?**
 - a. 11 chương 71 điều
 - b. 10 chương 72 điều
 - c. 10 chương 75 điều
 - d. 11 chương 77 điều
- 3. Việc miễn gọi nhập ngũ trong thời chiến do ai hoặc cấp nào qui định?**
 - a. Chính phủ quy định
 - b. Bộ Quốc phòng quy định
 - c. Nhà nước quy định
 - d. Ủy ban nhân dân tỉnh quy định
- 4. Đối tượng nào sau đây phải tham gia nghĩa vụ quân sự?**
 - a. Nam thanh niên Việt Nam từ 18 đến 25 tuổi
 - b. Mọi công dân Việt Nam từ 18 đến 25 tuổi
 - c. Học sinh, sinh viên Việt Nam từ 20 đến 25 tuổi
 - d. Tất cả thanh niên Việt Nam từ 18 đến 25 tuổi
- 5. Thời hạn phục vụ tại ngũ trong thời bình của hạ sĩ quan chỉ huy, hạ sĩ quan và binh sĩ chuyên môn kỹ thuật do quân đội đào tạo, hạ sĩ quan binh sĩ trên tàu hải quân mấy tháng?**
 - a. 24 tháng
 - b. 18 tháng
 - c. 22 tháng
 - d. 36 tháng
- 6. Việc tính thời điểm bắt đầu và kết thúc thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan và binh sĩ do ai quy định?**
 - a. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định
 - b. Chủ tịch nước quy định
 - c. Thủ tướng Chính phủ quy định
 - d. Thủ trưởng đơn vị quy định
- 7. Khi cần thiết, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng được quyền giữ hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ thêm một thời gian là mấy tháng so với thời hạn quy định?**
 - a. Không quá 6 tháng.
 - b. Không quá 3 tháng.
 - c. Không quá 9 tháng.
 - d. Không quá 12 tháng.
- 8. Việc hoãn gọi nhập ngũ và miễn làm nghĩa vụ quân sự theo Luật Nghĩa vụ quân sự 2005 do Ủy ban nhân dân cấp nào quyết định?**
 - a. Cấp huyện.
 - b. Cấp xã
 - c. Cấp tỉnh.
 - d. Cấp thành phố

- 9. Theo lệnh của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thì người chỉ huy đơn vị từ cấp nào và tương đương trở lên có trách nhiệm thực hiện việc xuất ngũ cho hạ sĩ quan, binh sĩ thuộc quyền?**
- Trung đoàn
 - Tiểu đoàn
 - Lữ đoàn
 - Sư đoàn, Vùng Hải quân
- 10. Hạ sĩ quan, binh sĩ đã hết hạn phục vụ tại ngũ có thể tình nguyện ở lại phục vụ trên hạn định thêm một thời gian ít nhất là mấy tháng?**
- 12 tháng
 - 6 tháng
 - 9 tháng
 - 18 tháng
- 11. Việc khám sức khỏe cho những công dân trong diện được gọi nhập ngũ do Hội đồng khám sức khỏe cấp nào phụ trách?**
- Cấp huyện, quận, thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh
 - Cấp xã, phường, thị trấn trực thuộc huyện
 - Bệnh xá đơn vị quân đội
 - Bệnh viện trực thuộc tỉnh, bộ, ngành.
- 12. Hạn tuổi phục vụ của hạ sĩ quan và binh sĩ ở ngạch dự bị đối với nam giới là bao nhiêu?**
- 45 tuổi
 - 38 tuổi
 - 42 tuổi
 - 48 tuổi
- 13. Hạn tuổi phục vụ của hạ sĩ quan và binh sĩ ở ngạch dự bị đối với nữ giới là bao nhiêu?**
- 40 tuổi
 - 35 tuổi
 - 38 tuổi
 - 42 tuổi
- 14. Quân nhân chuyên nghiệp có thể phục vụ tại ngũ từng thời hạn hoặc dài hạn đến bao nhiêu tuổi?**
- 50 tuổi.
 - 42 tuổi
 - 45 tuổi
 - 48 tuổi
- 15. Hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ từ tháng thứ mấy thì được hưởng thêm 200% phụ cấp quân hàm hiện hưởng hàng tháng?**
- 19 tháng
 - 15 tháng
 - 17 tháng
 - 21 tháng
- 16. Những trường hợp nào không được tạm hoãn gọi nhập ngũ trong thời bình?**
- Học sinh, sinh viên chỉ ghi danh đóng học phí nhưng không học tại trường
 - Con trai của thương binh hạng 2
 - Học sinh trường trung học phổ thông, trường phổ thông dân tộc nội trú
 - Sinh viên trường trung cấp chuyên nghiệp, trường cao đẳng nghề
- 17. Đối tượng công dân nào sau đây được miễn gọi nhập ngũ trong thời bình?**

- a. Thanh niên xung phong, thanh niên tình nguyện đã phục vụ từ 24 tháng trở lên ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn do Chính phủ quy định.
 - b. Học sinh, sinh viên hết thời hạn học tập tại trường một khóa học.
 - c. Học sinh, sinh viên tự bỏ học hoặc ngừng học tập một thời gian liên tục từ 12 tháng trở lên
 - d. Sinh viên được đi du học tại các trường ở nước ngoài có thời gian đào tạo từ 12 tháng trở lên
- 18. Quân nhân dự bị và công dân sẵn sàng nhập ngũ khi thay đổi địa chỉ nơi học tập, công tác sau bao nhiêu ngày phải đến cơ quan quân sự để**
- a. 10 ngày
 - b. 5 ngày
 - c. 15 ngày
 - d. 20 ngày
- 19. Căn cứ vào độ tuổi, hạ sĩ quan và binh sĩ được chia thành mấy nhóm?**
- a. 02 nhóm
 - b. 01 nhóm
 - c. 03 nhóm
 - d. 04 nhóm
- 20. Hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị hạng 1 phải tham gia huấn luyện tổng thời gian nhiều nhất là mấy tháng?**
- a. 12 tháng
 - b. 03 tháng
 - c. 06 tháng
 - d. 09 tháng
- 21. Việc kiểm tra sức khỏe cho quân nhân dự bị do cơ quan y tế cấp nào phụ trách?**
- a. Cơ quan y tế cấp huyện và tương đương
 - b. Bệnh xá cấp xã.
 - c. Quân y cấp trung đoàn.
 - d. Cơ quan y tế cấp tỉnh hoặc tương đương
- 22. Hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ từ tháng thứ mấy thì được hưởng thêm 250% phụ cấp quân hàm hiện hưởng hàng tháng?**
- a. Từ tháng thứ 25
 - b. Từ tháng thứ 22
 - c. Từ tháng thứ 27
 - d. Từ tháng thứ 30
- 23. Hạ sĩ quan và binh sĩ tại ngũ được hưởng các chính sách nào?**
- a. Được nghỉ phép theo quy định của Chính phủ
 - b. Được nghỉ mát theo quy định của Chính phủ.
 - c. Được cấp đất ở, nhà ở theo quy định của Chính phủ
 - d. Được tuyển thẳng vào học đại học
- 24. Hạ sĩ quan và binh sĩ khi xuất ngũ được hưởng những khoản trợ cấp nào sau đây?**
- a. Trợ cấp tạo việc làm do Chính phủ quy định
 - b. Tiền hao mòn tuổi thanh xuân
 - c. Trợ cấp đất ở, nhà ở
 - d. Trợ cấp khó khăn cho gia đình và bản thân
- 25. Việc chuẩn bị cho nam thanh niên đủ 17 tuổi nhập ngũ gồm những nội dung nào?**
- a. Đăng kí nghĩa vụ quân sự và kiểm tra sức khỏe

- b. Học tập chính trị, huấn luyện quân sự
 - c. Huấn luyện quân sự và diễn tập
 - d. Kết nạp Đảng hoặc kết nạp Đoàn cho thanh niên
- 26. Việc tính thời điểm bắt đầu và kết thúc thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan và binh sĩ do cấp nào quy định?**
- a. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng
 - b. Thủ trưởng đơn vị cấp trung đoàn và tương đương trở lên
 - c. Thủ trưởng đơn vị cấp sư đoàn và tương đương trở lên
 - d. Thủ trưởng Quân chủng, Quân khu và tương đương trở lên
- 27. Hạ sĩ quan và binh sĩ hoàn thành nghĩa vụ quân sự xuất ngũ về địa phương được hưởng quyền lợi nào sau đây?**
- a. Ưu tiên trong tuyển sinh, tuyển dụng hoặc giải quyết việc làm
 - b. Được tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ
 - c. Được đơn vị cho đi nghỉ mát, du lịch theo yêu cầu
 - d. Được chọn vào học một trường đại học mà mình yêu cầu
- 28. Hạ sĩ quan, binh sĩ đang tại ngũ thì bố, mẹ, vợ và con được hưởng những chế độ gì?**
- a. Được khám bệnh theo chế độ bảo hiểm y tế nếu không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc
 - b. Cấp nhà ở, đất ở cho bố mẹ theo quy định
 - c. Được trợ cấp tiền tàu xe và bố trí nơi ăn nghỉ khi đến thăm đơn vị
 - d. Được miễn đóng thuế nhà đất theo quy định của Chính phủ
- 29. Những trường hợp nào sau đây được hoãn nhập ngũ trong thời bình?**
- a. Có anh chị em ruột là hạ sĩ quan, binh sĩ đang phục vụ tại ngũ
 - b. Đang nghiên cứu công trình khoa học cấp Bộ
 - c. Là lao động chính trong gia đình
 - d. Có anh, chị em ruột là sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam
- 30. Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là:**
- a. Là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân
 - b. Việc làm thường xuyên của mọi công dân
 - c. Là trách nhiệm quan trọng của mỗi công dân
 - d. Là quyền lợi chính trị của mỗi công dân
- 31. Hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị hạng 1 phải tham gia huấn luyện tổng thời gian nhiều nhất là mấy tháng?**
- a. 12 tháng
 - b. 03 tháng
 - c. 06 tháng
 - d. 09 tháng
- 32. Việc kiểm tra sức khỏe cho quân nhân dự bị do cơ quan y tế cấp nào phụ trách?**
- a. Cơ quan y tế cấp huyện và tương đương
 - b. Bệnh xá cấp xã.
 - c. Quân y cấp trung đoàn.
 - d. Cơ quan y tế cấp tỉnh hoặc tương đương
- 33. Hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ từ tháng thứ mấy thì được hưởng thêm 250% phụ cấp quân hàm hiện hưởng hàng tháng?**
- a. Từ tháng thứ 25
 - b. Từ tháng thứ 22
 - c. Từ tháng thứ 27

- d. Từ tháng thứ 30
- 34. Việc chuẩn bị cho nam thanh niên đủ 17 tuổi nhập ngũ gồm những nội dung nào?**
- Đăng kí nghĩa vụ quân sự và kiểm tra sức khỏe
 - Học tập chính trị, huấn luyện quân sự
 - Huấn luyện quân sự và diễn tập
 - Kết nạp Đảng hoặc kết nạp Đoàn cho thanh niên
- 35. Việc tính thời điểm bắt đầu và kết thúc thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan và binh sĩ do cấp nào quy định?**
- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng
 - Thủ trưởng đơn vị cấp trung đoàn và tương đương trở lên
 - Thủ trưởng đơn vị cấp sư đoàn và tương đương trở lên
 - Thủ trưởng Quân chủng, Quân khu và tương đương trở lên
- 36. Hạ sĩ quan và binh sĩ hoàn thành nghĩa vụ quân sự xuất ngũ về địa phương được hưởng quyền lợi nào sau đây?**
- Ưu tiên trong tuyển sinh, tuyển dụng hoặc giải quyết việc làm
 - Được tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ
 - Được đơn vị cho đi nghỉ mát, du lịch theo yêu cầu
 - Được chọn vào học một trường đại học mà mình yêu cầu
- 37. Hạ sĩ quan, binh sĩ đang tại ngũ thì bố, mẹ, vợ và con được hưởng những chế độ gì?**
- Được khám bệnh theo chế độ bảo hiểm y tế nếu không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc
 - Cấp nhà ở, đất ở cho bố mẹ theo quy định
 - Được trợ cấp tiền tàu xe và bố trí nơi ăn nghỉ khi đến thăm đơn vị
 - Được miễn đóng thuế nhà đất theo quy định của Chính phủ
- 38. Những trường hợp nào sau đây được hoãn nhập ngũ trong thời bình?**
- Có anh chị em ruột là hạ sĩ quan, binh sĩ đang phục vụ tại ngũ
 - Đang nghiên cứu công trình khoa học cấp Bộ
 - Là lao động chính trong gia đình
 - Có anh, chị em ruột là sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam
- 39. Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là:**
- Là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân
 - Việc làm thường xuyên của mọi công dân
 - Là trách nhiệm quan trọng của mỗi công dân
 - Là quyền lợi chính trị của mỗi công dân
- 40. Đối tượng nào sau đây phải tham gia nghĩa vụ quân sự?**
- Nam thanh niên Việt Nam từ 18 đến 25 tuổi
 - Mọi công dân Việt Nam từ 18 đến 25 tuổi
 - Học sinh, sinh viên Việt Nam từ 20 đến 25 tuổi
 - Tất cả thanh niên Việt Nam từ 18 đến 25 tuổi
- 41. Thời hạn phục vụ tại ngũ trong thời bình của hạ sĩ quan chỉ huy, hạ sĩ quan và binh sĩ chuyên môn kỹ thuật do quân đội đào tạo, hạ sĩ quan binh sĩ trên tàu hải quân mấy tháng?**
- 24 tháng
 - 18 tháng
 - 22 tháng
 - 36 tháng

- 42. Việc tính thời điểm bắt đầu và kết thúc thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan và binh sĩ do ai quy định?**
- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định
 - Chủ tịch nước quy định
 - Thủ tướng Chính phủ quy định
 - Thủ trưởng đơn vị quy định
- 43. Khi cần thiết, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng được quyền giữ hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ thêm một thời gian là mấy tháng so với thời hạn quy định?**
- Không quá 6 tháng.
 - Không quá 3 tháng.
 - Không quá 9 tháng.
 - Không quá 12 tháng.
- 44. Việc hoãn gọi nhập ngũ và miễn làm nghĩa vụ quân sự theo Luật Nghĩa vụ quân sự 2005 do Ủy ban nhân dân cấp nào quyết định?**
- Cấp huyện.
 - Cấp xã
 - Cấp tỉnh.
 - Cấp thành phố
- 45. Theo lệnh của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thì người chỉ huy đơn vị từ cấp nào và tương đương trở lên có trách nhiệm thực hiện việc xuất ngũ cho hạ sĩ quan, binh sĩ thuộc quyền?**
- Trung đoàn
 - Tiểu đoàn
 - Lữ đoàn
 - Sư đoàn, Vùng Hải quân
- 46. Việc khám sức khỏe cho những công dân trong diện được gọi nhập ngũ do Hội đồng khám sức khỏe cấp nào phụ trách?**
- Cấp huyện, quận, thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh
 - Cấp xã, phường, thị trấn trực thuộc huyện
 - Bệnh xá đơn vị quân đội
 - Bệnh viện trực thuộc tỉnh, bộ, ngành.
- 47. Hạn tuổi phục vụ của hạ sĩ quan và binh sĩ ở ngạch dự bị đối với nam giới là bao nhiêu?**
- 45 tuổi
 - 38 tuổi
 - 42 tuổi
 - 48 tuổi
- 48. Hạn tuổi phục vụ của hạ sĩ quan và binh sĩ ở ngạch dự bị đối với nữ giới là bao nhiêu?**
- 40 tuổi
 - 35 tuổi
 - 38 tuổi
 - 42 tuổi
- 49. Quân nhân chuyên nghiệp có thể phục vụ tại ngũ từng thời hạn hoặc dài hạn đến bao nhiêu tuổi?**
- 50 tuổi.
 - 42 tuổi
 - 45 tuổi
 - 48 tuổi

- 50. Hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ từ tháng thứ mấy thì được hưởng thêm 200% phụ cấp quân hàm hiện hưởng hàng tháng?**
- a. 19 tháng
 - b. 15 tháng
 - c. 17 tháng
 - d. 21 tháng
- 51. Công dân không có mặt đúng thời gian và địa điểm kiểm tra sức khỏe ghi trong giấy gọi kiểm tra, khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự mà không có lý do chính đáng thì bị phạt hành chính từ:**
- a. 800.000 – 1.200.000 đồng
 - b. 500.000 – 700.000 đồng
 - c. 800.000 – 1.000.000 đồng
 - d. 1.000.000 – 1.500.000 đồng

BÀI KỸ THUẬT SỬ DỤNG SÚNG AK – CKC

- 1. Kỹ sư thiết kế súng tiểu liên AK là người quốc gia nào?**
 - a. Liên Bang Nga, Liên Xô (cũ)
 - b. Việt Nam
 - c. Trung Quốc
 - d. Hoa Kỳ
- 2. Trong tên gọi của súng tiểu liên AK, chữ A có ý nghĩa là gì?**
 - a. Tự động
 - b. Tên người thiết kế
 - c. Liên thanh
 - d. Tiểu liên
- 3. Trong tên gọi của súng tiểu liên AK, chữ K có ý nghĩa là gì?**
 - a. Tên kỹ sư thiết kế
 - b. Tiểu liên
 - c. Súng bắn loạt
 - d. Liên thanh
- 4. Súng tiểu liên AK cải tiến có thêm bộ phận giảm nảy và lấy giảm tốc gọi là súng gì?**
 - a. Tiểu liên AKM
 - b. Súng trường CKC
 - c. Tiểu liên AKMS
 - d. Tiểu liên AKN
- 5. Báng súng tiểu liên AKMS có đặc điểm gì?**
 - a. Loại báng gấp, bằng sắt
 - b. Làm bằng gỗ, gấp được
 - c. Cấu tạo như báng của súng tiểu liên AK
 - d. Có ổ chứa ống đựng phụ tùng
- 6. Quốc gia nào đã sản xuất, sử dụng phổ biến súng tiểu liên AK trong chiến tranh?**
 - a. Việt Nam
 - b. Hoa Kỳ
 - c. Pháp
 - d. Anh
- 7. Súng tiểu liên AK là loại súng nào và trang bị cho mấy người sử dụng?**
 - a. Súng tự động, trang bị cho từng người
 - b. Súng bán tự động, trang bị cho hai người
 - c. Súng tự động, trang bị cho tổ ba người
 - d. Súng tự động, trang bị cho tiểu đội
- 8. Súng tiểu liên AK dùng hỏa lực để**
 - a. Tiêu diệt sinh lực địch
 - b. Phá hủy lô cốt, ụ súng của địch
 - c. Tiêu diệt xe tăng, xe bọc thép địch
 - d. Phá hủy hàng rào thép gai của địch
- 9. Báng súng, lưỡi lê của súng tiểu liên AK dùng để làm gì?**
 - a. Đánh gần (giáp lá cà)
 - b. Phá hủy ụ súng của địch
 - c. Phá trang bị của địch
 - d. Phá hủy hàng rào của địch

- 10. Súng nào sau đây chỉ bắn được phát một?**
- Súng trường CKC
 - Tiểu liên AK
 - Tiểu liên AKM
 - Trung liên RPD
- 11. Súng tiểu liên AK sử dụng đạn kiểu nào do Liên Xô (cũ) sản xuất?**
- Kiểu 1943
 - Kiểu 1930
 - Kiểu 1956
 - Kiểu 1947
- 12. Súng tiểu liên AK sử dụng đạn kiểu nào do Trung Quốc sản xuất?**
- Kiểu 1956
 - Kiểu 1930
 - Kiểu 1943
 - Kiểu 1947
- 13. Việt Nam gọi chung đạn của súng tiểu liên AK là gì?**
- Đạn K56
 - Đạn K43
 - Đạn K47
 - Đạn K59
- 14. Đạn của súng tiểu liên AK có mấy loại?**
- 4 loại : Đạn thường; đạn vạch đường; đạn xuyên cháy; đạn cháy
 - 2 loại : Đạn thường; đạn cháy; đạn xuyên cháy
 - 2 loại : Đạn thường; đạn vạch đường; đạn xuyên
 - 3 loại : Đạn thường; đạn vạch đường; đạn xuyên cháy
- 15. Khi lắp đủ đạn, hộp tiếp đạn của súng tiểu liên AK chứa được bao nhiêu viên đạn?**
- 30 viên
 - 10 viên
 - 50 viên
 - 60 viên
- 16. Tầm bắn của súng tiểu liên AK ghi trên thước ngắm là bao nhiêu m?**
- 800 m
 - 1000 m
 - 600 m
 - 400 m
- 17. Tầm bắn của súng tiểu liên AK cải tiến ghi trên thước ngắm là bao nhiêu m?**
- 1000 m
 - 800 m
 - 900 m
 - 1100 m
- 18. Trên thước ngắm của súng tiểu liên AK, tại sao lại có vạch "□□" (nằm dưới cùng) và tương ứng với thước ngắm nào?**
- Để lấy thước ngắm 3 ban đêm,
 - Để lấy thước ngắm 1 ban đêm,
 - Để lấy thước ngắm 2 ban đêm,
 - Để lấy thước ngắm 4 ban đêm,
- 19. Tầm bắn hiệu quả của súng tiểu liên AK khi bắn mục tiêu mặt đất là bao nhiêu m?**

- a. 400m
 - b. 100m
 - c. 200m
 - d. 300m
- 20. Súng tiểu liên AK dùng hỏa lực tập trung, tầm bắn hiệu quả là bao nhiêu m?**
- a. 800m
 - b. 600m
 - c. 700m
 - d. 900m
- 21. Tầm bắn hiệu quả của súng tiểu liên AK khi bắn máy bay bay thấp, quân nhảy dù là bao nhiêu m?**
- a. 500m
 - b. 200m
 - c. 400m
 - d. 600m
- 22. Tầm bắn thẳng của súng tiểu liên AK khi mục tiêu cao 0,5m là bao nhiêu m?**
- a. 350m
 - b. 250m
 - c. 400m
 - d. 500m
- 23. Tầm bắn thẳng của súng tiểu liên AK khi mục tiêu cao 1,5m là bao nhiêu m?**
- a. 525m
 - b. 325m
 - c. 625m
 - d. 725m
- 24. Tốc độ đầu của đầu đạn súng tiểu liên AK là bao nhiêu m/s ?**
- a. 710m/s
 - b. 735m/s
 - c. 725m/s
 - d. 715m/s
- 25. Tốc độ đầu của đầu đạn súng tiểu liên AKM là bao nhiêu m/s?**
- a. 710m/s
 - b. 715m/s
 - c. 745m/s
 - d. 755m/s
- 26. Súng tiểu liên AK khi bắn liên thanh, trong một phút có thể bắn được bao nhiêu viên đạn?**
- a. 100 viên
 - b. 150 viên
 - c. 200 viên
 - d. 300 viên
- 27. Súng tiểu liên AK khi bắn phát một, trong một phút có thể bắn được bao nhiêu viên đạn?**
- a. 40 viên
 - b. 35 viên
 - c. 50 viên
 - d. 55 viên
- 28. Khối lượng của súng tiểu liên AK không có đạn là bao nhiêu kg?**

- a. 3,8kg
 - b. 4,3kg
 - c. 3,1kg
 - d. 3,3kg
- 29. Khối lượng của súng tiểu liên AKM không có đạn là bao nhiêu kg?**
- a. 3,1kg
 - b. 3,8kg
 - c. 4,3kg
 - d. 3,3kg
- 30. Khối lượng của súng tiểu liên AKMS không có đạn là bao nhiêu kg?**
- a. 3,3kg
 - b. 3,8kg
 - c. 4,3kg
 - d. 3,1kg
- 31. Khối lượng của súng tiểu liên AK lắp đủ đạn là bao nhiêu kg?**
- a. 4,3kg
 - b. 3,6kg
 - c. 3,9kg
 - d. 3,8kg
- 32. Khối lượng của súng tiểu liên AKM lắp đủ đạn là bao nhiêu kg?**
- a. 3,8kg
 - b. 3,6kg
 - c. 4,3kg
 - d. 5,4kg
- 33. Khối lượng của súng tiểu liên AKMS lắp đủ đạn là bao nhiêu kg?**
- a. 3,8kg
 - b. 4,3kg
 - c. 3,1kg
 - d. 3,3kg
- 34. Đạn súng tiểu liên AK gồm có những bộ phận nào ?**
- a. Vỏ đạn, hạt lửa, thuốc phóng, đầu đạn
 - b. Vỏ đạn, đuôi đạn, hạt lửa, thuốc phóng
 - c. Thân vỏ đạn, hạt lửa, hạt nổ, thuốc phóng,
 - d. Thân đạn, hạt lửa, thuốc phóng, đuôi đạn
- 35. Bộ phận giảm nẩy của súng tiểu liên AKM được lắp vào bộ phận nào?**
- a. Đầu nòng súng
 - b. Trên ống dẫn thoi và ốp lót tay
 - c. Trên thước ngắm
 - d. Đuôi nòng súng
- 36. Bộ phận ngắm của súng tiểu liên AK có tác dụng gì?**
- a. Ngắm bắn vào các mục tiêu
 - b. Xác định cự li bắn
 - c. Bắn mục tiêu vận động
 - d. Xác định độ cao mục tiêu
- 37. Bộ phận nào của súng tiểu liên AK có tác dụng tì súng vào vai và giữ súng khi bắn?**
- a. Báng súng và tay cầm
 - b. Hộp tiếp đạn

- c. Bệ khóa nòng và thoi đẩy
 - d. Nòng súng
- 38. Bộ phận nào của súng tiểu liên AK có tác dụng chứa đạn, tiếp đạn khi bắn?**
- a. Hộp tiếp đạn
 - b. Lò xo đẩy đạn
 - c. Bao đạn
 - d. Hộp đạn
- 39. Bộ phận nào của súng tiểu liên AK có tác dụng tiêu diệt địch khi đánh gần (giáp lá cà)?**
- a. Lê
 - b. Nòng súng
 - c. Thân súng
 - d. Chân súng
- 40. Ngoài các bộ phận của súng tiểu liên AK, còn có bộ phận nào chứa dụng cụ khác của súng?**
- a. Ống đựng phụ tùng
 - b. Vặn vít
 - c. Lê, chổi lông
 - d. Búa, kìm
- 41. Vỏ đạn của súng tiểu liên AK thường được làm bằng gì?**
- a. Thép mạ đồng
 - b. Hợp kim nhôm
 - c. Chì mạ đồng
 - d. Đồng nguyên chất
- 42. Bộ phận nào của đạn K56 có tác dụng chứa, bảo vệ thuốc phóng?**
- a. Vỏ đạn
 - b. Đầu đạn
 - c. Thuốc phóng
 - d. Hạt lửa
- 43. Hạt lửa của đạn K56 nằm ở vị trí nào của đạn?**
- a. Đáy vỏ đạn
 - b. Trong đầu đạn
 - c. Đáy đầu đạn
 - d. Cổ vỏ đạn
- 44. Bước 7 trong tháo súng tiểu liên AK là tháo bộ phận nào?**
- a. Ống dẫn thoi và ốp lót tay trên
 - b. Nắp hộp khóa nòng
 - c. Bộ phận đẩy về
 - d. Bệ khóa nòng và khóa nòng
- 45. Một trong các nội dung qui tắc tháo, lắp súng tiểu liên AK là gì?**
- a. Phải nắm chắc cấu tạo của súng
 - b. Phải nắm chắc nguyên lý chuyển động của súng
 - c. Hiểu rõ tính năng kỹ, chiến thuật của súng
 - d. Nắm vững qui tắc bảo quản, giữ gìn súng
- 46. Trước khi tháo, lắp súng tiểu liên AK phải thực hiện nghiêm qui tắc nào?**
- a. Phải khám súng
 - b. Lau chùi súng sạch sẽ
 - c. Kiểm tra nòng súng và buồng đạn

- d. Kiểm tra hộp tiếp đạn và số lượng đạn
- 47. Khi tháo súng tiểu liên AK, phải tháo bộ phận nào trước khi tháo ống phụ tùng?**
- Hộp tiếp đạn, kiểm tra súng A
 - Thông nòng
 - Ống dẫn thoi và ốp lót tay trên
 - Nắp hộp khóa nòng
- 48. Sau khi tháo bộ khóa nòng và khóa nòng súng tiểu liên AK sẽ tháo đến bộ phận nào?**
- Ống dẫn thoi và ốp lót tay trên
 - Hộp tiếp đạn
 - Thông nòng
 - Lê, ốp lót tay
- 49. Sau khi tháo bộ phận đẩy về súng tiểu liên AK sẽ tháo đến bộ phận nào?**
- Bộ khóa nòng và khóa nòng
 - Hộp tiếp đạn
 - Thông nòng
 - Nắp hộp khóa nòng
- 50. Sau khi tháo thông nòng súng tiểu liên AK sẽ tháo đến bộ phận nào?**
- Nắp hộp khóa nòng
 - Hộp tiếp đạn
 - Ống dẫn thoi và ốp lót tay trên
 - Bộ phận đẩy về
- 51. Khi lắp súng tiểu liên AK, bộ phận nào phải lắp vào trước?**
- Ống dẫn thoi và ốp lót tay trên
 - Thông nòng
 - Bộ phận đẩy về
 - Nắp hộp khóa nòng
- 52. Khi lắp súng tiểu liên AK, lắp xong bộ khóa nòng và khóa nòng thì lắp đến bộ phận nào?**
- Bộ phận đẩy về
 - Hộp tiếp đạn
 - Ống phụ tùng
 - Nắp hộp khóa nòng
- 53. Sau khi lắp xong nắp hộp khóa nòng súng tiểu liên AK, theo thứ tự phải làm động tác gì?**
- Kiểm tra chuyển động của súng
 - Lắp hộp tiếp đạn kiểm tra súng
 - Lắp ống phụ tùng
 - Kiểm tra toàn bộ súng
- 54. Bộ phận nào của súng tiểu liên AK có tác dụng liên kết các bộ phận của súng?**
- Hộp khóa nòng
 - Nắp hộp khóa nòng
 - Tay kéo bộ khóa nòng
 - Bộ khóa nòng
- 55. Bước 1 trong tháo súng tiểu liên AK là tháo bộ phận nào?**
- Hộp tiếp đạn và kiểm tra súng
 - Thông nòng
 - Phụ tùng
 - Nắp hộp khóa nòng

- 56. Cỡ nòng súng tiểu liên AK là bao nhiêu mm?**
- 7,62mm
 - 7,56mm
 - 76,2mm
 - 7,26mm
- 57. Bước 1 trong lắp súng tiểu liên AK là lắp bộ phận nào?**
- Ống dẫn thoi và ốp lót tay trên
 - Nắp hộp khóa nòng
 - Bộ phận đẩy về
 - Bệ khóa nòng và khóa nòng
- 58. Bước cuối cùng trong lắp súng tiểu liên AK là lắp bộ phận nào?**
- Hộp tiếp đạn
 - Nắp hộp khóa nòng
 - Thông nòng
 - Phụ tùng
- 59. Bộ phận nào trên súng tiểu liên AK có tác dụng lấy thước ngắm trước khi bắn?**
- Cữ thước ngắm
 - Đầu ngắm
 - Khe ngắm
 - Thân thước ngắm
- 60. Bộ phận nào trên súng tiểu liên AK có tác dụng ngắm bắn khi bắn?**
- Bộ phận ngắm
 - Khe ngắm
 - Cữ thước ngắm
 - Thân thước ngắm
- 61. Bộ phận nào của súng tiểu liên AK có tác dụng đẩy đạn vào buồng đạn?**
- Khóa nòng
 - Bệ khóa nòng
 - Hộp khóa nòng
 - Tay kéo bệ khóa nòng
- 62. Bộ phận nào của súng tiểu liên AK có tác dụng kéo vỏ đạn ra khỏi buồng đạn khi bắn?**
- Móc đạn của khóa nòng
 - Ngoàm giữ đạn
 - Cần định cách bắn
 - Tay kéo bệ khóa nòng
- 63. Bộ phận nào của súng tiểu liên AK có tác dụng hất vỏ đạn ra ngoài khi bắn?**
- Ngoàm giữ đạn
 - Mấu hất vỏ đạn
 - Cần định cách bắn
 - Tay kéo bệ khóa nòng
- 64. Bộ phận nào súng tiểu liên AK khi bắn có tác dụng đóng, mở khóa nòng, làm cho đạn nổ, kéo vỏ đạn ra khỏi buồng đạn?**
- Khóa nòng
 - Bệ khóa nòng và thoi đẩy
 - Hộp khóa nòng
 - Nòng súng

- 65. Bộ phận nào của súng tiểu liên AK có tác dụng làm cho khóa nòng và bộ phận cò chuyển động?**
- Bộ khóa nòng và thoi đẩy
 - Hộp khóa nòng
 - Lò xo đẩy về
 - Bộ phận giảm nảy
- 66. Bộ phận nào của súng tiểu liên AK có tác dụng đẩy bộ khóa nòng, khóa nòng về phía trước và giữ nắp hộp khóa nòng?**
- Bộ phận đẩy về
 - Nòng súng
 - Báng súng và tay cầm
 - Bộ phận cò
- 67. Bộ phận nào của súng tiểu liên AK có tác dụng dẫn thoi đẩy chuyển động, giữ súng, bảo vệ tay không bị nóng khi bắn?**
- Ống dẫn thoi và ốp lót tay
 - Hộp tiếp đạn
 - Báng súng và tay cầm
 - Bộ khóa nòng và thoi đẩy
- 68. Phần nào của súng tiểu liên AK có tác dụng giữ búa ở thế giương, làm búa đập vào kim hỏa, khóa an toàn, định cách bắn?**
- Bộ khóa nòng và thoi đẩy
 - Bộ phận đẩy về
 - Bộ phận cò
 - Tay kéo bộ khóa nòng
- 69. Đầu đạn súng tiểu liên AK (K56) không sơn là**
- Đạn thường
 - Đạn cháy
 - Đạn vạch đường
 - Đạn xuyên cháy
- 70. Đầu đạn súng tiểu liên AK (K56) sơn màu xanh lá cây là**
- Đạn vạch đường
 - Đạn thường
 - Đạn cháy
 - Đạn xuyên cháy
- 71. Súng tiểu liên AK khi bắn, bộ phận nào trên có tác dụng làm cho đầu đạn tự xoay trong quá trình vận động?**
- Nòng súng
 - Đầu đạn
 - Vỏ đạn
 - Thân đạn
- 72. Bộ phận nào của súng tiểu liên AK có tác dụng định hướng bay ban đầu cho đầu đạn khi bắn?**
- Nòng súng
 - Đầu đạn
 - Thân súng
 - Thân đạn

- 73. Bộ phận nào của đạn súng tiểu liên AK có tác dụng sinh ra áp lực cao để đẩy đầu đạn chuyển động khi bắn?**
- Thuốc phóng
 - Hạt lửa
 - Nòng súng
 - Buồng đạn
- 74. Tại sao đầu đạn của súng tiểu liên AK khi bắn lại tự xoay tròn quanh trục của nó khi chuyển động?**
- Do nòng súng có rãnh xoắn
 - Do bị lực hút của Trái Đất
 - Vì đầu đạn có rãnh xoắn
 - Do cấu tạo của vỏ đạn
- 75. Thành phần nào của đạn tạo cho đầu đạn có tốc độ đầu nhất định?**
- Số lượng thuốc phóng
 - Hình dáng đầu đạn
 - Chất liệu làm vỏ đạn
 - Hình dáng thân đạn
- 76. Khi lên đạn, kéo tay kéo bộ khóa nòng của súng tiểu liên AK về sau hết cỡ thì viên đạn thứ nhất nằm ở đâu?**
- Trước đường tiến của mấu đẩy đạn
 - Trong hộp tiếp đạn
 - Trước đường tiến của kim hỏa
 - Trong buồng đạn
- 77. Khi lên đạn, thả tay kéo bộ khóa nòng của súng tiểu liên AK về trước hết cỡ thì viên đạn thứ nhất nằm ở đâu?**
- Trong buồng đạn
 - Trong hộp tiếp đạn
 - Trước đường tiến của mấu đẩy đạn
 - Trước đường tiến của khóa nòng
- 78. Bộ phận nào của súng trường CKC có tác dụng làm cho bộ khóa nòng, khóa nòng và bộ phận cò chuyển động?**
- Bộ khóa nòng
 - Hộp khóa nòng
 - Bộ phận đẩy về
 - Bộ phận giảm nảy
- 79. Bộ phận nào của súng trường CKC có tác dụng làm cho bộ khóa nòng và khóa nòng chuyển động về phía trước?**
- Bộ phận đẩy về
 - Bộ khóa nòng
 - Hộp khóa nòng
 - Bộ phận giảm nảy

BÀI KỸ THUẬT SỬ DỤNG LỰU ĐẠN

- 1. *Lựu đạn là loại vũ khí gì***
 - a. Dùng để đánh gần, trang bị cho từng người trong chiến đấu
 - b. Có hỏa lực rất mạnh, hủy diệt sinh lực đối phương
 - c. Có khả năng phá hủy tất cả các loại vũ khí khác
 - d. Là phương tiện dùng để gây sát thương
- 2. *Lựu đạn là loại vũ khí được chế tạo như thế nào?***
 - a. Cấu tạo đơn giản, gọn nhẹ, sử dụng thuận tiện
 - b. Có nhiều bộ phận, sử dụng phức tạp
 - c. Cấu tạo phức tạp nhưng sử dụng dễ dàng
 - d. Có nhiều tác dụng, sử dụng với nhiều mục đích
- 3. *Lựu đạn là loại vũ khí khi sử dụng có khả năng gì?***
 - a. Sát thương sinh lực đối phương
 - b. Tiêu diệt các phương tiện ở sâu dưới nước
 - c. Dùng để tiêu diệt các phương tiện trên không
 - d. Hủy diệt lớn sinh lực đối phương
- 4. *Lựu đạn Φ1 Việt Nam, khi sử dụng chủ yếu sát thương sinh lực địch bằng gì?***
 - a. Mảnh gang vụn
 - b. Hơi thuốc nổ
 - c. Các viên bi nhỏ
 - d. Mảnh sắt vụn
- 5. *Bán kính sát thương của lựu đạn Φ1 là bao nhiêu m?***
 - a. 5m
 - b. 4m
 - c. 6m
 - d. 7m
- 6. *Khối lượng toàn bộ của lựu đạn Φ1 Việt Nam là bao nhiêu gam?***
 - a. 450 gam
 - b. 440 gam
 - c. 460 gam
 - d. 470 gam
- 7. *Cấu tạo lựu đạn Φ1 Việt Nam gồm những bộ phận nào?***
 - a. Thân lựu đạn và bộ phận gây nổ lắp vào thân
 - b. Thân lựu đạn, bộ phận gây nổ lắp vào thân và hạt nổ
 - c. Thân lựu đạn, cán lựu đạn và bộ phận gây nổ lắp vào thân
 - d. Thân, bộ phận gây nổ lắp vào thân và đuôi lựu đạn
- 8. *Vỏ lựu đạn Φ1 Việt Nam làm bằng chất liệu gì?***
 - a. Gang
 - b. Sắt
 - c. Thép
 - d. Nhựa tổng hợp
- 9. *Bên trong vỏ lựu đạn Φ1 Việt Nam chứa gì?***
 - a. Thuốc nổ TNT
 - b. Nhiều viên bi
 - c. Thuốc cháy
 - d. Thuốc gây nổ

- 10. Lúc bình thường, mỏ vệt của lựu đạn $\Phi 1$ như thế nào?**
- Chốt an toàn giữ không cho mỏ vệt bật lên
 - Không có chốt an toàn, mỏ vệt bật lên
 - Bật lên nhưng được tay người ném giữ lại
 - Mỏ vệt ở vị trí không an toàn
- 11. Khi sử dụng, nếu rút chốt an toàn thì mỏ vệt của lựu đạn $\Phi 1$ như thế nào?**
- Không có chốt giữ, mỏ vệt bật lên
 - Muốn mỏ vệt bật lên, phải tiếp tục rút chốt an toàn phụ
 - Mỏ vệt vẫn ở trạng thái an toàn
 - Không thay đổi, giữ nguyên như cũ
- 12. Lựu đạn cần 97 Việt Nam, thời gian thuốc cháy chậm cháy bao nhiêu giây?**
- Từ 3,2 - 4,2s
 - Từ 2,9 - 3,9s
 - Từ 3,0 - 4,0s
 - Từ 3,1 - 4,1s
- 13. Lựu đạn cần 97 Việt Nam có đường kính thân là bao nhiêu mm?**
- 50mm
 - 40mm
 - 60mm
 - 70mm
- 14. Lựu đạn cần 97 Việt Nam có khối lượng toàn bộ là bao nhiêu gam?**
- 450 gam
 - 440 gam
 - 460 gam
 - 470 gam
- 15. Thời gian cháy chậm từ khi phát lửa đến khi lựu đạn nổ của lựu đạn cần 97 Việt Nam là bao nhiêu giây?**
- Khoảng 3,2 - 4,2s
 - Khoảng 3,0- 4,0s
 - Khoảng 3,1 - 4,1s
 - Khoảng 3,3 - 4,3s
- 16. Lựu đạn cần 97 Việt Nam dùng để sát thương sinh lực địch chủ yếu bằng gì?**
- Mảnh gang vụn
 - Mảnh sắt vụn
 - Mảnh thép vụn
 - Mảnh vụn thuốc nổ
- 17. Quy tắc sử dụng lựu đạn thật có một nội dung nào sau đây?**
- Nắm vững tính năng chiến đấu, cấu tạo và thành thạo động tác sử dụng lựu đạn
 - Biết cách ném trong kiểm tra ném lựu đạn trúng đích
 - Biết cách rút chốt an toàn làm cho lựu đạn nổ
 - Nắm chắc cách đánh giá thành tích ném lựu đạn trúng đích
- 18. Chỉ sử dụng lựu đạn thật trong trường hợp nào?**
- Khi có lệnh của người chỉ huy
 - Khi luyện tập chiến thuật
 - Khi người sử dụng thấy cần thiết
 - Khi học tập về nội dung lựu đạn
- 19. Quy định sử dụng lựu đạn thật như thế nào?**

- a. Cầm sử dụng trong luyện tập
 - b. Trong luyện tập phải cẩn thận khi sử dụng
 - c. Được sử dụng ở khu vực đông người, nhưng phải tháo kíp nổ
 - d. Được sử dụng trong luyện tập, nhưng phải cố định chốt an toàn
- 20. Tư thế, động tác ném lựu đạn gồm những động tác nào?**
- a. Động tác chuẩn bị và động tác ném
 - b. Động tác chuẩn bị, động tác rút chốt an toàn và động tác ném
 - c. Động tác rút chốt an toàn và động tác ném
 - d. Động tác khởi động, động tác chuẩn bị và động tác ném
- 21. Khi ném lựu đạn, người ném buông lựu đạn ra khỏi tay khi nào là đúng thời cơ nhất?**
- a. Cánh tay phải hợp với mặt phẳng ngang 45°
 - b. Cánh tay vung lên ở góc độ cao nhất
 - c. Thân người hợp với mặt phẳng ngang 45°
 - d. Cánh tay phải hợp với mặt phẳng ngang 90°
- 22. Đặc điểm về mục tiêu của ném lựu đạn trúng đích là gì?**
- a. Có vòng tính điểm
 - b. Có vòng không tính điểm
 - c. Tính điểm nhưng không có vòng
 - d. Như mục tiêu bài bắn súng tiểu liên AK
- 23. Đặc điểm về tư thế của ném lựu đạn trúng đích là gì?**
- a. Tư thế ném thoải mái
 - b. Rất gò bó do địa hình, địa vật
 - c. Gặp khó khăn do vừa ném vừa cầm súng
 - d. Tương đối thoải mái vì không cần đúng hướng
- 24. Sức ném và hướng ném trong ném lựu đạn trúng đích phải như thế nào?**
- a. Phải kết hợp để lựu đạn đi đúng hướng, đúng cự li
 - b. Sử dụng tối đa sức ném để lựu đạn đi đúng hướng, đúng cự li
 - c. Phải ngắm chuẩn về hướng ném để lựu đạn đi đúng hướng
 - d. Dùng sức ném thật mạnh để lựu đạn đi đúng cự li
- 25. Bài kiểm tra ném lựu đạn trúng đích có cự li bao nhiêu m?**
- a. Nam 25m, nữ 20m
 - b. Nam 30m, nữ 25m
 - c. Nam 35m, nữ 30m
 - d. Nam 40m, nữ 35m
- 26. Ném lựu đạn trúng đích có mấy vòng tròn đích, bán kính mỗi vòng bao nhiêu m?**
- a. Ba vòng trên bán kính 1m, 2m, 3m
 - b. Ba vòng trên bán kính 2m, 3m, 4m
 - c. Ba vòng trên bán kính 3m, 4m, 5m
 - d. Ba vòng trên bán kính 4m, 5m, 6m
- 27. Đánh giá thành tích loại Giỏi trong ném lựu đạn trúng đích như thế nào?**
- a. Trúng vòng tròn 1
 - b. Trúng mục tiêu trong vòng tròn 1
 - c. Trúng tâm vòng tròn 1
 - d. Trúng mép ngoài vòng tròn 2
- 28. Đánh giá thành tích loại Khá trong ném lựu đạn trúng đích như thế nào?**
- a. Trúng vòng tròn 2
 - b. Trúng mục tiêu trong vòng tròn 1

- c. Trúng tâm vòng tròn 2
 - d. Trúng mép ngoài vòng tròn 3
- 29. Đánh giá thành tích loại Trung bình trong ném lựu đạn trúng đích như thế nào?**
- a. Trúng vòng tròn 3
 - b. Trúng mục tiêu trong vòng tròn 2
 - c. Trúng vòng tròn 2
 - d. Trong mép trong vòng tròn 2
- 30. Đánh giá thành tích trong ném lựu đạn trúng đích, lấy điểm rơi của lựu đạn như thế nào?**
- a. Chạm vạch của vòng tròn sẽ tính điểm cho vòng có điểm cao hơn
 - b. Trúng vạch của vòng tròn nào sẽ tính điểm vòng tròn ngoài
 - c. Chạm vạch của vòng tròn sẽ tính điểm cho vòng có điểm thấp hơn
 - d. Chạm vạch vòng tròn sẽ không tính điểm
- 31. Không dùng tư thế, động tác đứng ném lựu đạn trong trường hợp nào?**
- a. Phía trước không bị che khuất, mục tiêu ở khoảng cách gần
 - b. Có vật cản che đỡ, cao ngang tầm ngực
 - c. Phía sau không bị vướng khi ném
 - d. Mục tiêu ở khoảng cách xa nơi ném
- 32. Người ném lựu đạn thật phải căn cứ vào đâu để xác định tư thế, động tác ném phù hợp?**
- a. Tùy theo điều kiện địa hình, địa vật, tình hình địch
 - b. Điều kiện tính hình ta và địa vật
 - c. Căn cứ tình hình ta và địch
 - d. Tùy theo điều kiện thời tiết, khí hậu
- 33. Khi ném lựu đạn xong, người ném phải làm gì?**
- a. Quan sát kết quả ném và tình hình địch để xử lý kịp thời
 - b. Quan sát ngay tình hình địch xung quanh
 - c. Nằm úp xuống để tránh mảnh lựu đạn
 - d. Di chuyển ngay vị trí để bảo đảm an toàn
- 34. Trong quy tắc giữ gìn và sử dụng, lựu đạn được cất giữ ở đâu?**
- a. Nơi quy định, khô ráo, thoáng gió
 - b. Nơi quy định, kín đáo, ngầm sâu dưới đất
 - c. Không quy định cụ thể, nhưng phải bí mật
 - d. Không quy định, nhưng thường để nơi có độ ẩm phù hợp
- 35. Nếu trong kho có nhiều vũ khí, vật chất khác thì lựu đạn được cất giữ như thế nào?**
- a. Không để lẫn với các loại đạn, thuốc nổ, vật dễ cháy
 - b. Có thể để cùng với thuốc nổ, nhưng không gần vật dễ cháy
 - c. Khi để lẫn với thuốc nổ phải kê đệm chắc chắn
 - d. Khi để lẫn với vật dễ cháy phải chuẩn tốt dụng cụ cứu hỏa
- 36. Trong quá trình vận chuyển, giữ gìn lựu đạn cần lưu ý gì?**
- a. Không để rơi, không va chạm mạnh
 - b. Phải kiểm tra chốt an toàn lựu đạn xong mới được vận chuyển
 - c. Phải kiểm tra cẩn thận khi vận chuyển cùng thuốc nổ
 - d. Động tác nhẹ nhàng khi tung, ném trong vận chuyển
- 37. Trong quy tắc giữ gìn và sử dụng lựu đạn, cần lưu ý gì với chốt an toàn?**
- a. Khi chưa dùng không được rút chốt an toàn
 - b. Phải cẩn thận khi rút chốt an toàn để kiểm tra
 - c. Nếu rút chốt an toàn phải thay chốt an toàn khác

d. Nếu rút chốt an toàn phải hủy lựu đạn ngay

38. Tại sao lựu đạn vỏ làm bằng gang?

- a. Gang giòn, khi lựu đạn nổ phá vụn thành nhiều mảnh sắc
- b. Gang nhẹ hơn sắt nên khi ném được xa hơn
- c. Gang có giá thành rẻ hơn sắt, thép
- d. Gang có độ bền và không bị han rỉ như sắt, thép**

BÀI CẤP CỨU CHUYỂN THƯƠNG

1. **Mục đích của cầm máu tạm thời vết thương không có nội dung nào sau đây?**
 - a. Làm giảm đau đớn cho nạn nhân
 - b. Nhanh chóng làm ngừng chảy máu bằng những biện pháp đơn giản
 - c. Hạn chế đến mức thấp nhất sự mất máu
 - d. Góp phần cứu sống tính mạng người bị nạn, tránh các tai biến nguy hiểm
2. **Nội dung nào sau đây không đúng với nguyên tắc cầm máu tạm thời vết thương?**
 - a. Phải hạn chế đến mức thấp nhất sự mất máu
 - b. Phải khẩn trương, nhanh chóng làm ngừng chảy máu
 - c. Phải xử trí đúng chỉ định theo tính chất của vết thương
 - d. Phải đúng quy trình kỹ thuật
3. **Chảy máu động mạch có đặc điểm gì?**
 - a. Máu đỏ tươi chảy vọt thành tia hoặc trào qua miệng vết thương ra ngoài
 - b. Máu đỏ thẫm, chảy rỉ rỉ tại chỗ bị thương, lượng máu vừa phải
 - c. Máu đỏ thẫm, thấm tại chỗ bị thương, lượng máu ít hoặc rất ít
 - d. Máu đỏ tươi, nhanh chóng hình thành cục máu bít mạch máu bị tổn thương
4. **Chảy máu tĩnh mạch có đặc điểm gì?**
 - a. Máu đỏ thẫm, chảy rỉ rỉ tại chỗ bị thương, lượng máu vừa phải
 - b. Máu đỏ tươi chảy vọt thành tia hoặc trào qua miệng vết thương ra ngoài
 - c. Máu đỏ thẫm, thấm tại chỗ bị thương, lượng máu ít hoặc rất ít
 - d. Máu đỏ tươi, nhanh chóng hình thành cục máu bít mạch máu bị tổn thương
5. **Chảy máu mao mạch có đặc điểm gì?**
 - a. Máu đỏ thẫm, thấm tại chỗ bị thương, lượng máu ít hoặc rất ít
 - b. Máu đỏ tươi chảy vọt thành tia hoặc trào qua miệng vết thương ra ngoài
 - c. Máu đỏ thẫm, chảy rỉ rỉ tại chỗ bị thương, lượng máu vừa phải
 - d. Máu đỏ tươi, nhanh chóng hình thành cục máu bít mạch máu bị tổn thương
6. **Nội dung nào sau đây không phải là biện pháp xử trí cầm máu tạm thời vết thương?**
 - a. Thắt, buộc mạch máu
 - b. Ấn động mạch, gấp chi tới đa
 - c. Băng ép, băng chèn, băng nút
 - d. Ga rô
7. **Kỹ thuật ấn động mạch không có nội dung nào sau đây?**
 - a. Các mạch máu bị gấp và bị đè ép bởi các khối cơ bao quanh
 - b. Dùng ngón tay ấn đè trên đường đi của động mạch
 - c. Làm động mạch bị ép chặt giữa ngón tay ấn và nề xương
 - d. Có tác dụng cầm máu nhanh, ít gây đau và không gây tai biến nguy hiểm
8. **Kỹ thuật băng ép không có nội dung nào sau đây?**
 - a. Nút càng chặt làm tăng sức ép vào các mạch máu, tác dụng cầm máu càng tốt
 - b. Là phương pháp băng vết thương với các vòng băng xiết tương đối chặt
 - c. Các vòng băng làm đè ép mạnh vào bộ phận bị tổn thương
 - d. Băng ép tạo điều kiện hình thành các cục máu đông, làm máu ngừng chảy
9. **Băng chèn được sử dụng cho vết thương nào?**
 - a. Động mạch
 - b. Tĩnh mạch
 - c. Mao mạch
 - d. Phần mềm

- 10. Băng nút được sử dụng cho vết thương nào?**
- Có dạng hình ống
 - Động mạch
 - Tĩnh mạch
 - Mao mạch
- 11. Không đặt ga rô với trường hợp vết thương nào sau đây?**
- Vết thương phần mềm rộng, nạn nhân đau nhiều
 - Vết thương ở chi chảy máu ồ ạt, phụt thành tia hoặc trào mạnh qua miệng vết thương
 - Vết thương cắt cụt chi tự nhiên, bị rấn độc cắn
 - Vết thương phần mềm hoặc gãy xương đã cầm máu bằng các biện pháp khác không có hiệu quả
- 12. Nguyên tắc đặt ga rô không có nội dung nào sau đây?**
- Chỉ dùng dây cao su to bản (3-4 cm), mỏng và có tác dụng đàn hồi tốt
 - Đặt sát phía trên vết thương và để lộ ra ngoài để dễ nhìn thấy
 - Ưu tiên chuyển nạn nhân về tuyến sau, cứ sau 1 giờ nói ga rô 1 lần
 - Có phiếu đặt ga rô, có ký hiệu bằng vải đỏ cài vào túi áo trái của nạn nhân
- 13. Bước đầu tiên khi tiến hành đặt ga rô là gì?**
- Ấn động mạch phía trên vết thương
 - Lót gạc chỗ định đặt ga rô
 - Băng vết thương và làm các thủ tục hành chính
 - Đặt ga rô rồi từ từ xoắn đến khi không thấy máu chảy ở vết thương
- 14. Nội dung nào sau đây không phải là tổn thương do gãy xương?**
- Mất tri giác, cảm giác và vận động, hệ bài tiết ngừng hoạt động
 - Xương bị gãy rạn, gãy rời thành 2 hay nhiều mảnh
 - Da, cơ bị giập nát nhiều, có thể tổn thương mạc máu và dây thần kinh
 - Rất dễ gây choáng do đau đớn, mất máu và nhiễm trùng do ô nhiễm
- 15. Nội dung nào sau đây không phải là mục đích của cố định tạm thời xương gãy?**
- Làm cho nạn nhân có thể vận động lại bình thường
 - Làm giảm đau đớn, cầm máu tại vết thương
 - Giữ cho đầu xương tương đối yên tĩnh
 - Phòng ngừa các biến chứng: choáng, tổn thương thứ phát, nhiễm khuẩn
- 16. Nguyên tắc cố định tạm thời xương gãy không có nội dung nào dưới đây?**
- Phải có phiếu cố định tạm thời xương gãy, có ký hiệu ưu tiên vận chuyển
 - Nẹp cố định phải cố định được cả khớp trên và khớp dưới ổ gãy
 - Không đặt nẹp cứng sát vào chi, phải đệm lót bằng bông mỡ, gạc
 - Không co kéo nắn chỉnh ổ gãy, băng cố định nẹp vào chi phải chắc chắn
- 17. Nẹp cẳng tay gồm 2 nẹp**
- 30 cm và 35 cm
 - 20 cm và 35 cm
 - 25 cm và 30 cm
 - 30 cm và 30 cm
- 18. Nẹp cánh tay gồm 2 nẹp**
- 20 cm và 35 cm
 - 30 cm và 35 cm
 - 25 cm và 30 cm
 - 30 cm và 30 cm
- 19. Nẹp cẳng chân gồm 2 nẹp**

- a. 60 cm và 60 cm
- b. 40 cm và 40 cm
- c. 40 cm và 50 cm
- d. 50 cm và 50 cm

20. Nẹp đùi gồm 3 nẹp

- a. 120 cm, 100 cm và 80 cm
- b. 100 cm, 80 cm và 60 cm
- c. 120 cm, 110 cm và 100 cm
- d. 140 cm, 120 cm và 100 cm

21. Đối với gãy xương cẳng chân cần cố định chi gãy vào nẹp ở mấy vị trí?

- a. 3 vị trí
- b. 2 vị trí
- c. 4 vị trí
- d. 5 vị trí

22. Đối với gãy xương đùi cần cố định chi gãy vào nẹp ở mấy vị trí?

- a. 5 vị trí
- b. 2 vị trí
- c. 3 vị trí
- d. 4 vị trí

23. Nội dung nào sau đây không phải là nguyên nhân gây ngạt thở?

- a. Do ăn phải các chất độc
- b. Do ngạt nước (đuối nước)
- c. Bị vùi lấp do sập hầm, đổ nhà...
- d. Do hít phải chất độc

24. Nội dung nào sau đây không đúng với biện pháp cần làm ngay khi cấp cứu nạn nhân bị ngạt thở?

- a. Nhanh chóng chuyển nạn nhân về tuyến sau
- b. Loại bỏ nguyên nhân gây ngạt thở
- c. Khai thông đường hô hấp trên
- d. Làm hô hấp nhân tạo

25. Thổi ngạt cho nạn nhân bị ngạt thở với nhịp độ bao nhiêu ?

- a. 15- 20 lần/phút
- b. 10 - 15 lần/phút
- c. 20- 25 lần/phút
- d. 25- 30 lần/phút

26. Ép tim ngoài lồng ngực cho nạn nhân tim đã ngừng đập, với nhịp độ bao nhiêu?

- a. 50 – 60 lần/phút
- b. 30 – 40 lần/phút
- c. 40 – 50 lần/phút
- d. 60 – 70 lần/phút

27. Khi có hai người làm, kỹ thuật thổi ngạt và ép tim ngoài lồng ngực cho nạn nhân bị ngạt như thế nào?

- a. Thổi ngạt 1 lần, ép tim 5 lần
- b. Thổi ngạt 2 lần, ép tim 5 lần
- c. Thổi ngạt 1 lần, ép tim 10 lần
- d. Thổi ngạt 2 lần, ép tim 15 lần

28. Khi chỉ có một người làm, kỹ thuật thổi ngạt và ép tim ngoài lồng ngực cho nạn nhân bị ngất như thế nào?

- a. Thổi ngạt 2 lần, ép tim 15 lần
- b. Thổi ngạt 1 lần, ép tim 5 lần
- c. Thổi ngạt 2 lần, ép tim 10 lần
- d. Thổi ngạt 3 lần, ép tim 15 lần

29. Chỉ ngừng làm hô hấp nhân tạo cho nạn nhân khi đã tiến hành đúng kỹ thuật mà không có hiệu quả, trong khoảng thời gian bao nhiêu?

- a. 40 - 60 phút
- b. 10 - 20 phút
- c. 20 - 30 phút
- d. 30 - 40 phút

30. Khi vận chuyển nạn nhân bằng cáng, đầu của nạn nhân ở tư thế nào?

- a. Cao, nghiêng về một bên
- b. Thấp, nghiêng về một bên
- c. Cao, luôn ngửa ra sau
- d. Thấp, luôn ngửa ra sau

BÀI CÔNG TÁC PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN

- 1. Phòng không nhân dân (PKND) chủ yếu do lực lượng nào tiến hành ?**
 - a. Đông đảo quần chúng nhân dân
 - b. Quân đội nhân dân Việt Nam
 - c. Nhân dân trong khu vực trọng điểm
 - d. Lực lượng phòng không nhân dân
- 2. Phòng không nhân dân (PKND) phải được tiến hành như thế nào ?**
 - a. Tổ chức, chuẩn bị chu đáo, luyện tập, diễn tập ngay trong thời bình
 - b. Tổ chức khẩn trương, luyện tập, diễn tập ngay trong thời bình
 - c. Chuẩn bị chu đáo, luyện tập, diễn tập thường xuyên trong thời chiến
 - d. Chuẩn bị tốt, thường xuyên luyện tập, diễn tập trong tháng thời bình
- 3. Công tác phòng không nhân dân (PKND) lấy hoạt động nào là chính?**
 - a. Sơ tán, phòng tránh khắc phục hậu quả, giảm bớt tổn thất
 - b. Đánh trả quân địch ngay từ đầu để giảm bớt tổn thất
 - c. Đánh trả tốt, khắc phục hậu quả nhanh, giảm bớt tổn thất
 - d. Coi trọng công tác phòng ngừa, khắc phục hậu quả
- 4. Một trong những mục đích của công tác phòng không nhân dân là:**
 - a. Bảo đảm an toàn cho nhân dân, bảo vệ mục tiêu quan trọng của đất nước
 - b. Bảo vệ mục tiêu trọng yếu về kinh tế của đất nước
 - c. Bảo vệ mục tiêu trọng yếu về quốc phòng của đất nước
 - d. Bảo vệ mục tiêu chiến lược về quân sự và kinh tế của đất nước
- 5. Một trong những nội dung khái niệm về công tác phòng không nhân dân là:**
 - a. Tổng hợp các biện pháp và hoạt động của quần chúng nhân dân nhằm đối phó với cuộc tiến công bằng đường không của địch.
 - b. Dùng các biện pháp hiệu quả nhất của nhân dân nhằm đối phó với cuộc tiến công bằng quân sự của địch.
 - c. Tổng hợp các biện pháp và hoạt động quân sự nhằm đối phó với cuộc tiến công bằng đường không của địch.
 - d. Sử dụng các biện pháp và hoạt động của quân đội nhân dân nhằm đối phó với cuộc tiến công bằng máy bay của địch.
- 6. Từ năm 1964-1972, đế quốc Mỹ tiến hành tiến công đường không Miền Bắc nước ta nhằm mục đích gì?**
 - a. Phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng của ta, ngăn chặn sự chi viện của hậu phương cho tiền tuyến
 - b. Phá hoại và thủ tiêu chế độ XHCN ở Miền Bắc nước ta
 - c. Chia rẽ khối đoàn kết của nhân dân hai miền, làm mất đi sự chi viện của Miền Bắc cho Miền Nam
 - d. Phá hoại tiềm lực kinh tế của ta, ngăn chặn sự chi viện của các nước XHCN cho Việt Nam
- 7. Quy mô lớn nhất về tiến công đường không của Mỹ với Miền Bắc nước ta vào thời gian nào?**
 - a. Từ 18/12/1972 đến 29/12/ 1972
 - b. Từ 5/8/1964 đến 30/8/ 1964
 - c. Từ 18/3/1974 đến 27/3/ 1975
 - d. Từ 4/3/1974 đến 3/4/ 1975

8. Chủ trương biện pháp công tác phòng không trong thời kì chống Mỹ tiến hành với hình thức nào?

- a. Chủ động sơ tán, phòng tránh; Kiên quyết đánh trả
- b. Kiên quyết bảo vệ, chủ động tiến công
- c. Chủ động phòng ngừa, khắc phục hậu quả
- d. Tập trung bảo toàn lực lượng, tạo thời cơ đánh trả tốt

9. Một trong những nội dung chủ trương biện pháp công tác phòng không trong thời kì chống Mỹ là:

- a. Chủ động phòng tránh, đánh trả mang tính chủ động tích cực và kiên quyết
- b. Lực lượng phòng không phải chủ động đánh trả nhanh, kiên quyết và hiệu quả
- c. Lực lượng quân đội phải chủ động đánh trả nhanh, kiên quyết và hiệu quả
- d. Chủ động tích cực và kiên quyết trong phòng tránh, đánh trả hiệu quả

10. Vì sao công tác phòng không phải bao gồm cả sơ tán, phòng tránh và sẵn sàng đánh trả?

- a. Vừa chủ động đánh địch bảo toàn tiềm lực, vừa sơ tán phòng tránh để hạn chế tổn thất, giữ vững sản xuất, ổn định đời sống nhân dân
- b. Để giữ gìn lực lượng ta càng đánh càng vững mạnh
- c. Bảo vệ tài sản của nhân dân, sẵn sàng chi viện cho chiến trường
- d. Phòng tránh, sơ tán để tạo điều kiện cho đánh trả có hiệu quả

11. Chính phủ ra Nghị định 112/CP về việc tổ chức công tác phòng không nhân dân vào ngày tháng năm nào?

- a. 25. 7. 1963
- b. 25. 7. 1965
- c. 25. 7. 1964
- d. 20/ 3/ 1963

12. Tổng số máy bay của đế quốc Mỹ do lực lượng phòng không Dân quân tự vệ bắn rơi ở Miền Bắc từ năm 1964-1972 là bao nhiêu?

- a. 424 chiếc
- b. 425 chiếc
- c. 426 chiếc
- d. 427 chiếc

13. Trong giai đoạn hiện nay, nếu xảy ra chiến tranh, công tác phòng không cần lưu ý một trong những đặc điểm gì?

- a. Địch sẽ sử dụng các loại vũ khí công nghệ cao để tiến công xâm lược
- b. Địch sẽ chủ yếu sử dụng các loại vũ khí điện tử hiện đại
- c. Địch sử dụng hạn chế các loại vũ khí hiện đại để tiến công xâm lược
- d. Khả năng địch sẽ sử dụng vũ khí hạt nhân để tiến công xâm lược

14. Trong tình hình mới, khi xảy ra chiến tranh, tiến công của địch có đặc điểm gì?

- a. Thời gian tiến công có thể ngắn nhưng khốc liệt và tàn phá lớn
- b. Tiến công liên tục từ xa vào lực lượng vũ trang của ta
- c. Tiến công liên tục, dài ngày vào các mục tiêu cố định
- d. Tiến công chớp nhoáng, đánh nhanh, thắng nhanh bằng đường bộ

15. Trong tình hình mới, nếu xảy ra chiến tranh, mức độ quyết liệt như thế nào?

- a. Quyết liệt ngay từ những ngày đầu chiến tranh
- b. Tính quyết liệt tăng dần theo thời gian xảy ra chiến tranh
- c. Mức độ quyết liệt phụ thuộc vào khả năng bảo đảm chiến tranh
- d. Quyết liệt tăng theo thời gian, nhất là những ngày cuối chiến tranh

16. Trong tình hình mới, Nghị định 65/2002/NĐ//CP của Chính phủ thay thế Nghị định 112/CP về việc tổ chức công tác phòng không nhân dân ra ngày nào?

- a. 01 - 7 - 2002
- b. 01 - 8 - 2002
- c. 01 - 9 - 2002
- d. 01 - 10 - 2002

17. Xu hướng phát triển hiện nay của vũ khí trang bị như thế nào ?

- a. Tầng hình, tầm bắn xa, độ chính xác cao, sức công phá mạnh
- b. Tầng hình, tầm bắn ngắn nhưng có độ chính xác cao
- c. Tương đối hiện đại nhưng có độ chính xác tuyệt đối
- d. Bố trí cố định để bảo đảm an toàn trước đối phương

18. Xu hướng phát triển hiện nay về nghệ thuật tác chiến?

- a. Có thể tiến công từ xa, ngoài phạm vi biên giới, vùng trời
- b. Tiến công từ bên trong có sự chi viện từ biên giới, vùng trời
- c. Tiến công từ biên giới trên bộ và vùng trời
- d. Có thể tiến công đánh chiếm biên giới, vùng trời

19. Xu hướng phát triển hiện nay về nghệ thuật tác chiến?

- a. Có thể tiến công từ xa, ngoài vùng biển của quốc gia
- b. Tiến công vào vùng biển của một quốc gia
- c. Tiến công trực tiếp, chủ yếu trên vùng trời của quốc gia
- d. Tiến công chủ yếu vào biển, đảo quốc gia

20. Xu hướng phát triển hiện nay về nghệ thuật tác chiến?

- a. Có thể không trực tiếp chiếm đất, nhưng áp đặt về chính trị
- b. Trực tiếp chiếm đất để áp đặt về chính trị
- c. Không trực tiếp chiếm đất, không áp đặt về chính trị
- d. Có thể trực tiếp chiếm đất để áp đặt về quân sự

21. Phương thức phổ biến tiến hành tiến công đường không hiện nay của địch như thế nào?

- a. Tiến công từ xa
- b. Tiến công trực tiếp
- c. Đánh gần
- d. Đánh trực tiếp

22. Nội dung nào không phải là thủ đoạn trong tiến công đường không của địch ?

- a. Đánh lẻ, dài ngày, chủ yếu diễn ra trên mặt đất
- b. Sử dụng tổng hợp các loại phương tiện vũ khí để tiến công
- c. Vũ khí đánh từ nhiều hướng vào nhiều mục tiêu cùng một lúc
- d. Đánh đêm, đánh ác liệt từng đợt lớn kết hợp đánh nhỏ liên tục

23. Nội dung nào không phải là thủ đoạn trong tiến công đường không của địch?

- a. Đánh lâu dài làm tê liệt sức chiến đấu của đối phương
- b. Trinh sát nắm chắc mục tiêu, nghi binh, tác chiến điện tử mạnh
- c. Máy bay, vũ khí, phương tiện đột nhập ở độ cao thấp
- d. Đánh đêm để tạo bất ngờ

24. Thủ đoạn kết hợp tiến hành tiến công đường không của địch là gì?

- a. Kết hợp tiến công hỏa lực với các hoạt động lật đổ, khủng bố và phá hoại từ bên trong nước đối phương
- b. Đánh mạnh từ bên trong kết hợp với răn đe quân sự bên ngoài
- c. Kết hợp vừa đánh vừa đàm; vừa đánh vừa giữ đất
- d. Chống phá về chính trị là chủ yếu kết hợp răn đe quân sự

- 25. Trong công tác phòng không nhân dân, lực lượng nào sau đây làm nòng cốt?**
- Bộ đội phòng không, không quân của quân đội
 - Lực lượng phòng không của các địa phương
 - Lực lượng phòng không, không quân của các tỉnh, thành phố
 - Lực lượng phòng không, không quân của các xã, phường
- 26. Công tác phòng không nhân dân trong tình hình mới có yêu cầu gì?**
- Nhà nước và nhân dân cùng làm, phát huy sức mạnh của tổng hợp của toàn dân, các cấp, các ngành
 - Nhà nước phát huy sức mạnh của tổng hợp của các cấp, các ngành
 - Nhà nước và nhân dân cùng làm, phát huy sức mạnh của các cấp, các ngành
 - Nhà nước làm là chính và phát huy sức mạnh của tổng hợp của toàn dân, các cấp, các ngành
- 27. Nội dung nào sau đây sai với phương châm của công tác phòng không nhân dân trong tình hình mới ?**
- Lấy đánh trả là chính, phòng tránh là quan trọng
 - Chủ động sẵn sàng xử lý mọi tình huống
 - Lấy phòng, tránh là chính
 - Toàn dân – toàn diện – tích cực chủ động
- 28. Tính chất của công tác phòng không nhân dân trong tình hình mới là gì?**
- Tính chất nhân dân, tính chất quần chúng trong chiến tranh
 - Tính chất hiện đại, tính chất toàn diện trong chiến tranh
 - Tính chất nhân dân, tính hiện đại trong chiến tranh
 - Tính chất toàn diện, tính nhân dân trong chiến tranh
- 29. Nội dung nào sau đây sai với yêu cầu chung của nguy trang, sơ tán và phòng tránh?**
- Phải tạo ra mục tiêu mới nơi sơ tán
 - Đảm bảo an toàn nơi sơ tán, phân tán
 - Ổn định sản xuất và đời sống nhân dân
 - Không hoang mang, rối loạn xã hội nơi sơ tán
- 30. Nội dung nào sau đây không đúng so với 5 nội dung chính công tác phòng không nhân dân?**
- Xây dựng các tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh
 - Tổ chức trinh sát, thông báo, báo động
 - Tổ chức đánh trả và phục vụ chiến đấu
 - Tổ chức khắc phục hậu quả
- 31. Nội dung nào sau đây sai với yêu cầu cụ thể của nguy trang, sơ tán và phòng tránh?**
- Chủ yếu dựa vào sự đảm bảo về tài chính của nhà nước
 - Kết hợp kinh tế với quốc phòng trong xây dựng công trình phòng tránh
 - Nhà nước và nhân dân cùng làm, lấy lực lượng nhân dân tại chỗ là chính
 - Tận dụng lợi thế địa hình tự nhiên để tổ chức phòng tránh
- 32. Một trong những yêu cầu cụ thể của sơ tán, phân tán trong công tác phòng không nhân dân là:**
- Kết hợp giữa thô sơ và hiện đại trong tổ chức nguy trang
 - Kết hợp giữa đánh trả của quân đội và của nhân dân
 - Kết hợp giữa sơ tán và tổ chức nguy trang nơi sơ tán
 - Kết hợp giữa đánh địch trên không và đánh địch trên bộ
- 33. Một trong những yêu cầu của khắc phục hậu quả trong công tác phòng không nhân dân là:**
- Tích cực chủ động, kịp thời để giảm bớt thiệt hại, ổn định đời sống

- b. Khắc phục nhanh hậu quả và tổ chức rời khỏi nơi sơ tán
- c. Chủ động đánh địch và khắc phục hậu quả nơi sơ tán
- d. Khắc phục hậu quả dựa trên cơ sở nhà nước đầu tư

34. Nội dung nào sai so với yêu cầu của sơ tán, phòng tránh trong công tác phòng không nhân dân?

- a. Liên tục thay đổi địa điểm sơ tán, phân tán để đảm bảo bí mật
- b. Bí mật sơ tán, phân tán
- c. Phòng tránh tại chỗ bằng công sự, hầm hào, nguy trang nghi binh
- d. Chuẩn bị trước kế hoạch phòng tránh, khắc phục hậu quả

35. Trong tình hình mới, nội dung nào sau đây không đúng về đặc điểm công tác phòng không nhân dân?

- a. Vừa đánh địch vừa tiến hành chiến tranh bảo vệ tổ quốc
- b. Phải phối hợp chặt chẽ các lực lượng vũ trang, lực lượng phòng không 3 thứ quân
- c. Gắn liền với xây dựng và bảo vệ tổ quốc, chế độ XHCN
- d. Vừa đối phó với địch trên không, vừa sẵn sàng đối phó với địch mặt đất

36. Trong tình hình mới, công tác phòng không nhân dân có đặc điểm gì ?

- a. Vừa đối phó với địch trên không, vừa sẵn sàng đối phó với bọn phản động nội địa gây bạo loạn lật đổ
- b. Vừa đối phó với địch trên bộ, vừa đối phó với địch trên không
- c. Vừa đối phó với địch trên bộ, vừa đánh bọn phản động nội địa
- d. Vừa đối phó với địch bên trong, vừa dẹp bạo loạn

37. Trong tình hình mới, công tác phòng không có yêu cầu gì?

- a. Phải chuẩn bị, luyện tập kỹ lưỡng các phương án phòng không nhân dân
- b. Bí mật, bất ngờ, chuẩn bị có trọng tâm trọng điểm
- c. Quân đội phải thường xuyên luyện tập các phương án chiến đấu
- d. Phát huy khả năng chiến đấu phòng không của nhân dân các địa phương

38. Công tác phòng không nhân dân do ai lãnh đạo, điều hành?

- a. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, điều hành thống nhất tập trung của nhà nước từ trung ương đến địa phương
- b. Đảng lãnh đạo, Nhà nước điều hành thống nhất tập trung ở từng địa phương
- c. Đảng lãnh đạo, Nhà nước điều hành thống nhất tập trung của lực lượng phòng không quốc gia
- d. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân đội điều hành một cách thống nhất và tập trung

39. Lựa chọn nào sai so với nội dung của công tác phòng không nhân dân?

- a. Toàn dân phải liên tục luyện tập các phương án chiến đấu
- b. Tăng cường tuyên truyền giáo dục nhận thức, kiến thức phòng không nhân dân
- c. Tổ chức thông báo, báo động kịp thời
- d. Tăng cường tập luyện sơ tán phòng tránh, cứu thương, phòng chữa cháy

40. Phương thức phổ biến tiến hành tiến công đường không hiện nay, các vũ khí, phương tiện của địch hoạt động như thế nào?

- a. Bay thấp với các phương tiện tàng hình, hoạt động liên tục ngày đêm
- b. Bay cao với các phương tiện tàng hình, hoạt động liên tục ban ngày
- c. Bay thấp với các phương tiện hiện đại, hoạt động liên tục ban đêm
- d. Hoạt động liên tục trong các khu vực quan trọng

41. Nội dung nào không phải là hạn chế khi tiến hành tiến công đường không của địch ?

- a. Khó tiến công các mục tiêu vì chất lượng của vũ khí hạn chế
- b. Phải nắm chắc thông tin về mục tiêu

- c. Khó tiến công các mục tiêu nhỏ và mục tiêu di động, cơ động
- d. Tồn kém về tài chính, số vũ khí công nghệ cao có hạn

42. Xu hướng phát triển hiện nay về lực lượng như thế nào?

- a. Tinh gọn, đa năng, cơ cấu hợp lí, cân đối, có khả năng tác chiến độc lập
- b. Tổ chức chặt chẽ, cơ cấu đủ lớn, có khả năng tác chiến lớn
- c. Đa năng, số lượng cao, có khả năng đánh những trận lớn
- d. Có khả năng đánh thắng đối phương trong cuộc chiến tranh với quy mô lớn

43. Xu hướng phát triển hiện nay nghệ thuật tác chiến?

- a. Không phụ thuộc vào không gian, thời gian tiến hành, có thể tiến công cả ngày và đêm
- b. Có thể tiến công từ xa, ngoài vùng trời, vùng biển của quốc gia
- c. Có thể tiến công từ xa, ngoài vùng trời, vùng biển của quốc gia
- d. Có thể tiến công từ xa, ngoài vùng trời, vùng biển của quốc gia

BÀI CÁC TƯ THẾ VẬN ĐỘNG TRÊN CHIẾN TRƯỜNG

1. ***Trong chiến đấu, động tác đi khom được vận dụng trong trường hợp nào?***
 - a. Nơi gần địch có địa hình, địa vật che đỡ, che khuất ngang tầm ngực
 - b. Đêm tối hoặc sương mù ở cách xa địch
 - c. Nơi có địa hình, địa vật che đỡ, che khuất ngang tầm người ngồi
 - d. Nơi có địa hình trống trải gần địch
2. ***Đi khom có động tác nào?***
 - a. Đi khom thấp và đi khom cao
 - b. Đeo súng, người phải cao thấp theo địa hình
 - c. Trong chiến đấu luôn phải dùng đi khom thấp
 - d. Đi khom thấp và đi khom vừa
3. ***Trong chiến đấu, động tác bò cao được vận dụng khi nào?***
 - a. Thường vận dụng ở nơi gần địch
 - b. Ở nơi xa địch để bảo đảm an toàn từ xa
 - c. Vận dụng ở nơi có địa hình, địa vật che khuất tốt
 - d. Nơi không có nhiều mìn của địch
4. ***Tư thế, động tác nào sau đây không có trong các tư thế động tác vận động cơ bản trên chiến trường?***
 - a. Lê vừa
 - b. Bò cao
 - c. Lê cao
 - d. Lê thấp
5. ***Động tác nào sau đây không phải là tư thế, động tác vận động cơ bản trên chiến trường?***
 - a. Chạy cao
 - b. Đi khom
 - c. Chạy khom
 - d. Bò cao
6. ***Khi đến gần địch, tùy theo địa hình, địa vật phải thực hiện tư thế động tác vận động cơ bản trên chiến trường?***
 - a. Vọt tiến
 - b. Chạy tốc độ
 - c. Chạy nhanh
 - d. Chạy nước rút
7. ***Nội dung nào sau đây không phải là yêu cầu của các tư thế động tác vận động cơ bản trên chiến trường?***
 - a. Hạn chế quan sát, chớp thời cơ tiến thẳng tới mục tiêu
 - b. Luôn quan sát địch, địa hình, địa vật và đồng đội
 - c. Vận dụng các tư thế vận động phù hợp ở mọi địa hình
 - d. Hành động mưu trí, mau lẹ, bí mật
8. ***Khi thực hiện động tác Lê thấp cần chú ý gì?***
 - a. Thuận tay nào thì tay kia ép sát mặt đất
 - b. Thuận tay nào thì tay đó ép sát mặt đất
 - c. Súng luôn đặt trên mặt đất để bảo đảm an toàn
 - d. Phải luôn để súng phía trước
9. ***Trong chiến đấu, tư thế, động tác Trườn được vận dụng trong các trường hợp nào?***
 - a. Để chui qua hàng rào của địch

- b. Ở nơi cách địch với cự li vừa phải
 - c. Để vượt qua nơi địa hình ngập nước
 - d. Là động tác thực hiện sau đi khom
- 10. Nội dung nào sau đây không phải là trường hợp vận dụng tư thế, động tác Trườn?**
- a. Khi cần phải che giấu súng nơi gần địch
 - b. Thường được vận dụng nơi gần địch
 - c. Vận dụng để chui qua hàng rào của địch
 - d. Vận dụng để vượt qua địa hình bằng phẳng gần địch
- 11. Trong chiến đấu, động tác Vọt tiến thường được vận dụng trong trường hợp nào?**
- a. Khi địch tạm dừng hoả lực
 - b. Cần phải vượt qua nơi địch đang dùng hoả lực mạnh
 - c. Khi ta đang hành quân ở gần địch
 - d. Khi ta đang bị máy bay địch theo dõi
- 12. Trong chiến đấu, động tác lê thường vận dụng trong trường hợp nào?**
- a. Nơi gần địch, cần thu hẹp mục tiêu
 - b. Là động tác thực hiện sau bò cao
 - c. Là động tác yêu cầu bụng luôn phải ép sát mặt đất
 - d. Nơi có điều kiện địa hình rậm rạp
- 13. Nội dung nào sau đây không đúng với tư thế, động tác Trườn?**
- a. Yêu cầu tư thế động tác như lê thấp
 - b. Người nằm sấp, bụng ép sát mặt đất
 - c. Súng đặt bên phải dọc theo thân người
 - d. Hai chân duỗi thẳng, mũi bàn chân chống xuống đất
- 14. Nội dung nào sau đây tư thế, động tác vận động cơ bản trên chiến trường?**
- a. Bò cao
 - b. Đi thấp
 - c. Chạy cao
 - d. Lăn nhanh
- 15. Một trong những nội dung yêu cầu của tư thế, động tác vận động cơ bản trên chiến trường là gì?**
- a. Luôn quan sát địch, địa hình, địa vật và đồng đội
 - b. Tập trung quan sát địa hình để vận động đúng hướng
 - c. Vừa quan sát địch, địa hình vừa đánh địch
 - d. Luôn cùng đồng đội đánh địch trong khi vận động
- 16. Một trong những nội dung yêu cầu của tư thế, động tác vận động cơ bản trên chiến trường là gì?**
- a. Vận dụng các tư thế vận động cho phù hợp
 - b. Nên vận dụng tư thế vận động thấp cho an toàn
 - c. Phải vận dụng đủ các tư thế vận động cơ bản
 - d. Sử dụng tư thế vận động lê, trườn đảm bảo an toàn nhất
- 17. Một trong những nội dung yêu cầu của tư thế, động tác vận động cơ bản trên chiến trường là gì?**
- a. Hành động mưu trí, mau lẹ, bí mật
 - b. Bí mật, an toàn tuyệt đối
 - c. Hành động nhanh chóng, an toàn
 - d. Hành động mau lẹ, quyết đoán
- 18. Một trong những điều kiện để dùng động tác đi khom trên chiến trường là gì?**

- a. Gần địch trong đêm tối, sương mù địch khó phát hiện
 - b. Xa địch vào ban ngày, địch không phát hiện được ta
 - c. Hành quân trong đêm tối, địch ở xa không phát hiện được ta
 - d. Vận động trong điều kiện có địa hình phức tạp
- 19. Tư thế, động tác đi khom thấp khác đi khom cao như thế nào?**
- a. Động tác như đi khom cao nhưng hai chân chùng hơn, người cúi thấp hơn
 - b. Cơ bản giống nhau, chỉ khác về thân người cúi gập xuống mặt đất
 - c. Khác hẳn đi khom cao, hai chân và thân người thẳng
 - d. Như đi khom cao về động tác nhưng động tác hai chân và thân người chậm hơn
- 20. Cầm súng trong tư thế, động tác đi khom có chướng ngại vật như thế nào?**
- a. Dây súng đeo vào vai phải và tư thế luôn sẵn sàng chiến đấu
 - b. Dây súng đeo vào vai trái và luôn nhanh chóng cơ động
 - c. SÁCH súng tay phải, tư thế luôn sẵn sàng chiến đấu
 - d. Súng đeo sau lưng, tư thế gọn gàng, động tác nhanh nhẹn
- 21. Một trong những điều kiện để dùng động tác Bò cao trên chiến trường là gì?**
- a. Vận động nơi gần địch có sỏi đá lởm chởm, lá khô, cần dùng tay để dò mìn
 - b. Vận động nơi gần địch, cần nhanh chóng đến gần mục tiêu
 - c. Vận động nơi gần địch có lá khô, cần nhanh chóng tiếp cận mục tiêu
 - d. Hành quân qua nơi địa hình, có nhiều vật che khuất phức tạp
- 22. Một trong những điều kiện để dùng động tác Lê trên chiến trường là gì?**
- a. Vận động nơi gần địch có địa vật che khuất thấp cần thu hẹp mục tiêu
 - b. Chiến đấu nơi xa địch có địa vật che khuất cần vượt qua
 - c. Cơ động sát địch, cần nhanh chóng tiếp cận mục tiêu
 - d. Hành quân nơi gần địch, cần nhanh chóng vượt qua mục tiêu
- 23. Các tư thế, động tác vận động cơ bản trên chiến trường bao gồm:**
- a. Đi khom, chạy khom, bò cao, lê, trườn, vọt tiến
 - b. Lăn, lê, lăn dài, bò, trườn, vọt tiến
 - c. Chạy, bò cao, lê, tiến, lùi, vọt tiến
 - d. Chạy, chạy cao, bò cao, lê, lăn dài, vọt tiến
- 24. Tư thế, động tác Đi khom bao gồm những nội dung nào?**
- a. Đi khom thấp, Đi khom cao
 - b. Đi khom cao, Chạy khom
 - c. Chạy khom, Đi khom
 - d. Đi khom thấp, Đi khom cao, Đi khom vừa
- 25. Tư thế, động tác Đi khom, nội dung nào sau đây không có?**
- a. Đi khom thấp khi không có địch
 - b. Đi khom khi không có chướng ngại vật
 - c. Đi khom khi có chướng ngại vật
 - d. Đi khom cao
- 26. Nội dung nào sau đây không đúng với ý nghĩa các tư thế động tác vận động cơ bản trên chiến trường?**
- a. Tiến nhanh, tiến thẳng tới mục tiêu
 - b. Tìm mọi cách tiêu diệt quân địch
 - c. Để nhanh chóng, bí mật đến gần mục tiêu
 - d. Để lợi dụng tốt địa hình, địa vật
- 27. Tại sao trong chiến đấu, khi vận động lại phải luôn quan sát địa hình?**
- a. Để sử dụng tư thế, động tác vận động cho phù hợp

- b. Tìm nơi khi cần thiết để trú ẩn
- c. Chủ yếu để phát hiện nơi ẩn nấp tốt nhất khi chiến đấu
- d. Để tìm nơi giấu lương thực, vũ khí

28. Khi ở tư thế, động tác Lê trên chiến trường có cả súng và vật chất khác thì mang như thế nào?

- a. Súng đeo sau lưng, để vật chất lên cẳng chân hoặc tay để tiến
- b. Tay trái cầm súng, để vật chất lên cẳng chân hoặc tay để tiến
- c. Súng treo trước ngực, để vật chất lên cẳng chân hoặc tay để tiến
- d. Súng bên dưới, vật chất để lên trên và tiến

29. Khi dùng tư thế, động tác Trườn ở địa hình bằng phẳng thì súng mang như thế nào?

- a. Súng đặt bên phải dọc theo thân người, nòng hướng về phía trước, hộp tiếp đạn quay ra ngoài
- b. Súng đặt bên phải dọc theo thân người, nòng hướng về phía trước, hộp tiếp đạn quay vào trong
- c. Để súng lên cẳng chân và tiến về phía trước
- d. Đeo sau lưng để trườn không ảnh hưởng đến súng, đạn

30. Khi ở tư thế, động tác Trườn trên chiến trường có cả súng và vật chất khác thì mang như thế nào?

- a. Đeo sau lưng khi trườn, vật chất để lên cẳng chân
- b. Súng đặt ngang phía trước, hộp tiếp đạn quay về phía sau
- c. Súng đặt bên trái dọc theo thân người, hộp tiếp đạn quay vào trong
- d. Súng đặt bên phải dọc theo thân người, hộp tiếp đạn quay vào trong

31. Tư thế, động tác vận động cơ bản trên chiến trường được vận dụng để làm gì?

- a. Để nhanh chóng, bí mật đến gần mục tiêu
- b. Nhanh chóng cơ động nhanh, chớp thời cơ đánh địch
- c. Để tranh thủ thời gian có lợi, nổ súng tiêu diệt địch
- d. Để nổ súng kịp thời và cơ động đánh địch

BÀI CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ QUỐC GIA

- 1. Lãnh thổ quốc gia được cấu thành từ các yếu tố nào?**
 - a. Lãnh thổ; dân cư; nhà nước
 - b. Lãnh thổ; dân tộc; hiến pháp; pháp luật
 - c. Lãnh thổ; dân cư; hiến pháp
 - d. Lãnh thổ; nhân dân; dân tộc
- 2. Trong các yếu tố cấu thành lãnh thổ quốc gia, yếu tố nào quan trọng nhất, quyết định nhất?**
 - a. Lãnh thổ
 - b. Dân cư
 - c. Nhà nước
 - d. Hiến pháp, pháp luật
- 3. Trách nhiệm trong bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia được xác định như thế nào?**
 - a. Là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân
 - b. Là trách nhiệm của toàn lực lượng vũ trang và toàn dân
 - c. Là trách nhiệm của toàn Đảng và các tổ chức xã hội
 - d. Là trách nhiệm của giai cấp, của Đảng và quân đội
- 4. Lãnh thổ thuộc chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối và đầy đủ của quốc gia bao gồm những bộ phận nào?**
 - a. Vùng đất; vùng nước; vùng trời trên vùng đất, vùng nước; lòng đất dưới chúng
 - b. Vùng đất; vùng trời trên vùng đất; lòng đất dưới chúng
 - c. Vùng đất; vùng nước; vùng trời trên vùng đất; lòng đất dưới chúng
 - d. Vùng đất; vùng trời; lòng đất dưới chúng
- 5. Lãnh thổ quốc gia được cấu thành gồm những vùng nào?**
 - a. Vùng đất; vùng nước; vùng trời; vùng lòng đất
 - b. Vùng đất; vùng trời; vùng tiếp giáp lãnh hải
 - c. Vùng đất; vùng trời; vùng lãnh hải; vùng thềm lục địa
 - d. Vùng đất; vùng trời; vùng đặc quyền kinh tế
- 6. Vùng lòng đất quốc gia là:**
 - a. Toàn bộ phần nằm dưới lòng đất, vùng nước thuộc chủ quyền quốc gia
 - b. Toàn bộ phần nằm dưới lòng đất thuộc chủ quyền quốc gia
 - c. Toàn bộ phần nằm dưới lòng đất, vùng đảo thuộc chủ quyền quốc gia
 - d. Toàn bộ phần nằm dưới lòng đất, vùng trời thuộc chủ quyền quốc gia
- 7. Vùng trời quốc gia là:**
 - a. Không gian bao trùm trên vùng đất, vùng nước quốc gia
 - b. Không gian bao trùm trên vùng đất quốc gia
 - c. Không gian bao trùm trên vùng đất, vùng đảo quốc gia
 - d. Không gian bao trùm trên vùng đảo và vùng biển quốc gia
- 8. Vùng nước quốc gia bao gồm:**
 - a. Vùng nước nội địa, vùng nước biên giới, vùng nội thủy, vùng nước lãnh hải
 - b. Vùng nước nội địa, vùng nội thủy, vùng nước lãnh hải
 - c. Vùng nước nội địa, vùng nước biên giới
 - d. Vùng nước nội địa, vùng nước lãnh hải
- 9. Vùng lãnh hải là vùng biển**
 - a. Tiếp liền bên ngoài vùng nước nội thủy của quốc gia
 - b. Tiếp liền bên ngoài vùng thềm lục địa của quốc gia

- c. Tiếp liền bên trong vùng đặc quyền kinh tế của quốc gia
- d. Tiếp liền bên ngoài vùng đặc quyền kinh tế của quốc gia
- 10. Vùng lãnh hải rộng bao nhiêu hải lý và tính từ đâu?**
 - a. 12 hải lý tính từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải
 - b. 24 hải lý tính từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải
 - c. 12 hải lý tính từ vùng đặc quyền kinh tế
 - d. 12 hải lý tính từ đường bờ biển
- 11. Vùng nội thủy là vùng nước:**
 - a. Bên trong đường cơ sở
 - b. Nằm ngoài đường cơ sở
 - c. Nằm trong vùng lãnh hải
 - d. Dùng để tính chiều rộng lãnh hải
- 12. Vùng đất của quốc gia bao gồm:**
 - a. Toàn bộ vùng đất lục địa và các đảo, quần đảo thuộc chủ quyền quốc gia
 - b. Vùng đất lục địa và các đảo thuộc chủ quyền quốc gia
 - c. Toàn bộ vùng đất lục địa và các quần đảo thuộc chủ quyền quốc gia
 - d. Vùng đất lục địa và các đảo, quần đảo thuộc chủ quyền quốc gia
- 13. Vùng nước nội địa của quốc gia bao gồm:**
 - a. Biển nội địa, hồ ao, sông ngòi, đầm nằm trên vùng đất liền
 - b. Biển, hồ ao, sông ngòi, đầm nằm trên khu vực biên giới
 - c. Biển, hồ ao, sông ngòi, đầm nằm tại khu vực cửa biển
 - d. Biển, hồ ao, sông ngòi, đầm nằm ngoài khu vực biên giới
- 14. Vùng nước biên giới của quốc gia bao gồm:**
 - a. Biển nội địa, hồ ao, sông ngòi nằm trên khu vực biên giới quốc gia
 - b. Biển nội địa, hồ ao, sông ngòi nằm ở khu vực rừng núi của quốc gia
 - c. Biển nội địa, hồ ao, sông ngòi nằm trong nội địa của quốc gia
 - d. Biển nội địa, hồ ao, sông ngòi nằm ngoài khu vực biên giới quốc gia
- 15. Vùng nội thủy của quốc gia được giới hạn**
 - a. Bởi một bên là bờ biển, một bên là đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải
 - b. Bởi một bên là biển rộng, một bên là đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải
 - c. Bởi một bên là biển cả, một bên là đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải
 - d. Bởi một bên là bờ biển, một bên là đường ngoài cùng của lãnh hải
- 16. Vùng trời quốc gia được quy định như thế nào?**
 - a. Mỗi quốc gia trên thế giới có quy định khác nhau
 - b. Các quốc gia đều thống nhất cùng một độ cao
 - c. Phụ thuộc vào khả năng bảo vệ của tên lửa phòng không quốc gia
 - d. Độ cao vùng trời quốc gia ngoài khu vực khí quyển của Trái Đất
- 17. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia là quyền gì?**
 - a. Tối cao, tuyệt đối và hoàn toàn riêng biệt của mỗi quốc gia đối với lãnh thổ và trên lãnh thổ của quốc gia đó
 - b. Tuyệt đối và riêng biệt của mỗi quốc gia đối với lãnh thổ của quốc gia đó
 - c. Hoàn toàn, riêng biệt của mỗi quốc gia đối với lãnh thổ và trên lãnh thổ của quốc gia đó
 - d. Tuyệt đối của mỗi quốc gia đối với lãnh thổ của quốc gia đó
- 18. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia là**
 - a. Quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của quốc gia
 - b. Văn hóa, là ý chí của dân tộc

- c. Thể hiện tính nhân văn của dân tộc
 - d. Truyền thống của quốc gia, dân tộc
- 19. Xác định biên giới quốc gia trên đất liền bằng cách nào?**
- a. Đánh dấu trên thực địa bằng hệ thống mốc quốc giới
 - b. Đánh dấu trên thực địa bằng hệ thống sông suối
 - c. Đánh dấu trên thực địa bằng làng bản nơi biên giới
 - d. Đánh dấu trên thực địa bằng hệ thống tọa độ
- 20. Theo Công ước Liên hợp quốc về Luật biển, phía ngoài vùng lãnh hải còn có những vùng biển nào?**
- a. Vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, vùng thềm lục địa
 - b. Vùng nội thủy, vùng kinh tế, vùng đặc quyền và thềm lục địa
 - c. Khu vực biên giới, vùng đặc khu kinh tế và thềm lục địa
 - d. Vùng biên giới trên biển, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa
- 21. Nội dung nào sau đây về các vùng biển không đúng với quy định của Công ước Liên hợp quốc về Luật biển?**
- a. Vùng đặc quyền kinh tế cách vùng lãnh hải 200 hải lý
 - b. Vùng thềm lục địa cách phía ngoài đường cơ sở 200 hải lý
 - c. Vùng đặc quyền kinh tế cách phía ngoài đường cơ sở 200 hải lý
 - d. Ranh giới ngoài vùng tiếp giáp lãnh hải cách đường cơ sở 24 hải lý
- 22. Nội dung nào sau đây về các vùng biển không đúng với quy định của Công ước Liên hợp quốc về Luật biển?**
- a. Tính từ vùng lãnh hải ra biển 200 hải lý lãnh hải là vùng thềm lục địa
 - b. Từ đường cơ sở ra ngoài 12 hải lý là vùng lãnh hải
 - c. Từ mép ngoài lãnh hải ra ngoài 12 hải lý là vùng tiếp giáp lãnh hải
 - d. Từ mép ngoài vùng tiếp giáp lãnh hải ra biển là vùng đặc quyền kinh tế cách 200 hải lý so với đường cơ sở
- 23. Một trong những nội dung chủ quyền của quốc gia trên lãnh thổ quốc gia là:**
- a. Quyền tự do lựa chọn chế độ chính trị, kinh tế
 - b. Không được tự do lựa chọn lĩnh vực kinh tế
 - c. Do các thế lực bên ngoài can thiệp vào nội bộ
 - d. Do có sự chi phối bởi các nước trong khu vực
- 24. Đường biên giới quốc gia trên đất liền của Việt Nam dài bao nhiêu km?**
- a. 4.510 km
 - b. 4.540 km
 - c. 4.530 km
 - d. 4.520 km
- 25. Việt Nam có chung đường biên giới quốc gia trên đất liền với những quốc gia nào?**
- a. Trung Quốc, Lào, Campuchia
 - b. Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia, Mianma
 - c. Trung Quốc, Malaysia, Indonesia
 - d. Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia, Malaysia
- 26. Biển Đông tiếp giáp với vùng biển của những quốc gia nào?**
- a. Trung Quốc, Campuchia, Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Brunei, Philipin
 - b. Singgapo, Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia, Malaysia, Philipin
 - c. Úc, Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia, Malaysia, Indonesia
 - d. Mianma, Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia, Malaysia, Indonesia, Philipin, Đài loan
- 27. Biển Đông được bao bọc bởi những quốc gia và vùng lãnh thổ nào?**

- a. Việt Nam, Trung Quốc, Campuchia, Thái Lan, Singgapo, Malaysia, Indonesia, Brunei, Philipin, Đài Loan
 - b. Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia, Malaysia, Philipin
 - c. Úc, Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia, Indonesia, Đài Loan
 - d. Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia, Malaysia, Indonesia, Philipin
- 28. Một trong những nội dung về khái niệm biên giới quốc gia là gì?**
- a. Là giới hạn lãnh thổ của một quốc gia
 - b. Là đường lãnh thổ của một quốc gia
 - c. Là giới hạn ngoài của mặt đất quốc gia
 - d. Là mặt phẳng giới hạn không gian của một quốc gia
- 29. Một trong những nội dung về chủ quyền biên giới quốc gia là gì?**
- a. Là chủ quyền hoàn toàn và tuyệt đối của quốc gia đối với lãnh thổ
 - b. Là chủ quyền hoàn toàn và đầy đủ của quốc gia đối với lãnh thổ
 - c. Chủ quyền toàn diện của quốc gia đối với lãnh thổ
 - d. Thuộc chủ quyền toàn diện của quốc gia đối với lãnh thổ
- 30. Tên gọi nào sau đây không chuẩn về tên gọi các bộ phận cấu thành biên giới quốc gia?**
- a. Đường biên giới trên bộ
 - b. Biên giới trên không
 - c. Biên giới trên biển
 - d. Biên giới quốc gia trên đất liền
- 31. Xác định biên giới quốc gia trên đất liền theo cách nào?**
- a. Theo các điểm, đường, vật chuẩn
 - b. Theo các bản làng vùng biên
 - c. Theo độ cao, thấp của mặt đất trong khu vực
 - d. Theo ranh giới khu vực biên giới
- 32. Phương pháp cố định đường biên giới quốc gia không có nội dung nào sau đây?**
- a. Cử lực lượng canh gác giữ quốc giới
 - b. Dùng đường phát quang
 - c. Đặt mốc quốc giới
 - d. Dùng tài liệu ghi lại đường biên giới
- 33. Một trong các phương pháp cố định đường biên giới quốc gia là gì?**
- a. Đặt mốc quốc giới
 - b. Xây dựng làng biên giới
 - c. Xây tường mốc biên giới
 - d. Xây dựng ranh giới quốc giới
- 34. Với quốc gia ven biển, đường ranh giới ngoài vùng lãnh hải của đất liền, của đảo và quần đảo gọi là gì?**
- a. Là đường biên giới quốc gia trên biển
 - b. Là thêm lục địa quốc gia trên biển
 - c. Là mốc biên giới quốc gia trên biển
 - d. Là khu vực biên giới quốc gia trên biển
- 35. Các quốc gia khác có quyền gì ở vùng nội thủy của quốc gia ven biển?**
- a. Chỉ được vào vùng nội thủy khi được phép của quốc gia ven biển
 - b. Không được quốc gia ven biển cho phép với bất kì lí do nào
 - c. Tự do vào vùng nội thủy dù không có sự đồng ý của quốc gia ven biển
 - d. Đi qua không gây hại như vùng lãnh hải
- 36. Các quốc gia khác có quyền gì ở vùng lãnh hải của quốc gia ven biển?**

- a. Tự do hàng hải
 - b. Đi qua không gây hại
 - c. Không được phép đi qua
 - d. Được phép, nhưng hạn chế việc đi qua
- 37. Một trong những quan điểm của Đảng và nhà nước ta về bảo vệ biên giới quốc gia là gì?**
- a. Phải dựa vào dân, trực tiếp là đồng bào các dân tộc ở biên giới
 - b. Tăng cường hơn nữa sức mạnh quốc phòng khu vực biên giới
 - c. Tăng cường lực lượng quân đội
 - d. Xây dựng nhiều công trình quốc phòng nơi biên giới
- 38. Chế độ pháp lý của vùng nội thủy theo Công ước quốc tế về luật biển như thế nào?**
- a. Thuộc chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối và đầy đủ của quốc gia
 - b. Thuộc quyền chủ quyền của quốc gia ven biển
 - c. Thuộc quyền xét xử đầy đủ của quốc gia ven biển
 - d. Thuộc quyền chủ quyền hoàn toàn của quốc gia ven biển
- 39. Một trong những nội dung về vị trí, ý nghĩa xây dựng, quản lý khu vực biên giới quốc gia là gì?**
- a. Ngăn ngừa hoạt động xâm nhập, phá hoại từ bên ngoài
 - b. Luôn tăng cường sức mạnh về quốc phòng
 - c. Để phát triển nền ngoại giao của đất nước
 - d. Nhằm tăng cường sức mạnh trong quan hệ đối ngoại
- 40. Chế độ pháp lý của vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa khác với chế độ pháp lý của vùng lãnh hải như thế nào?**
- a. Hai vùng này thuộc quyền chủ quyền và quyền tài phán của quốc gia
 - b. Vùng này vẫn thuộc chủ quyền đầy đủ của quốc gia
 - c. Quốc gia có chủ quyền tuyệt đối với hai vùng
 - d. Quốc gia có chủ quyền với hai vùng như vùng Lãnh hải
- 41. Xác định biên giới quốc gia trên đất liền giữa các nước có chung đường biên giới như thế nào?**
- a. Được hoạch định phân giới cắm mốc thông qua đàm phán thương lượng
 - b. Được hoạch định phân giới cắm mốc theo ý đồ của nước lớn
 - c. Phân giới cắm mốc thông qua hành động quân sự
 - d. Được hoạch định phân giới cắm mốc thông qua tranh chấp
- 42. Xây dựng khu vực biên giới quốc gia vững mạnh toàn diện gồm nội dung gì?**
- a. Vững mạnh về chính trị, kinh tế - xã hội và quốc phòng – an ninh
 - b. Vững mạnh về văn hóa, khoa học kỹ thuật, du lịch và dịch vụ
 - c. Mạnh về tư tưởng - văn hóa, trồng cây gây rừng, phát triển kinh tế
 - d. Mạnh về quân sự - an ninh, văn hóa, du lịch
- 43. Vận động quần chúng tham gia quản lý, bảo vệ biên giới có nội dung gì?**
- a. Giáo dục về ý thức độc lập dân tộc, tinh thần yêu nước cho nhân dân
 - b. Tăng cường lực lượng vũ trang nhân dân cho khu vực biên giới
 - c. Thường xuyên nắm chắc tình hình biên giới
 - d. Tăng cường vũ trang cho quần chúng nhân dân
- 44. Nội dung nào sau đây không đúng với những quan điểm của Đảng nhà nước ta về bảo vệ biên giới quốc gia?**
- a. Phải tăng cường sức mạnh quân sự, sẵn sàng bảo vệ biên giới
 - b. Biên giới quốc gia là thiêng liêng, bất khả xâm phạm

- c. Xây dựng, quản lí, bảo vệ biên giới quốc gia là nhiệm vụ của nhà nước và là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân
- d. Xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, giải quyết các vấn đề về biên giới quốc gia bằng biện pháp hòa bình
- 45. Nước ta dùng phương pháp nào là chủ yếu để cố định đường biên giới quốc gia?**
- Đặt mốc quốc giới và dùng tài liệu ghi lại đường biên giới
 - Phát quang đường biên giới và dùng tài liệu ghi lại đường biên giới
 - Đặt mốc quốc giới và phát quang đường biên giới
 - Đánh dấu bằng các tọa độ và phát quang đường biên giới
- 46. Một trong những nội dung chủ quyền của quốc gia trên lãnh thổ quốc gia là:**
- Tự quy định chế độ pháp lí đối với từng vùng lãnh thổ quốc gia
 - Chế độ pháp lí đối với từng vùng lãnh thổ phụ thuộc vào bên ngoài
 - Chế độ pháp lí đối với từng vùng lãnh thổ phụ thuộc vào quốc tế
 - Chế độ pháp lí đối với từng vùng lãnh thổ không được xác định
- 47. Quốc gia có quyền áp dụng trên lãnh thổ của mình**
- Các biện pháp cưỡng chế thích hợp, tịch thu tài sản với hoạt động bất hợp pháp
 - Các biện pháp cưỡng chế thích hợp, tịch thu tài sản với mọi hoạt động
 - Biện pháp tịch thu tài sản của nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ
 - Cưỡng chế thích hợp, tịch thu tài sản
- 48. Nội dung, biện pháp xây dựng và quản lí, bảo vệ biên giới quốc gia không bao gồm nội dung nào sau đây?**
- Tăng cường hoạt động ngoại giao khu vực biên giới
 - Xây dựng khu vực biên giới quốc gia vững mạnh toàn diện
 - Vận động quần chúng nhân dân ở biên giới tham gia tự quản đường biên
 - Xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân vững mạnh
- 49. Trên sông mà tàu thuyền đi lại được thì cách xác định biên giới quốc gia như thế nào?**
- Giữa lạch của sông hoặc lạch chính của sông
 - Không xác định biên giới dọc theo sông
 - Bờ sông bên nào là biên giới quốc gia bên đó
 - Giữa lạch ở khu vực cửa sông
- 50. Trên sông, suối mà tàu thuyền không đi lại được thì xác định biên giới quốc gia ở đâu, nếu sông suối đổi dòng xác định như thế nào?**
- Giữa sông, suối; nếu đổi dòng biên giới vẫn giữ nguyên
 - Bờ sông, suối của mỗi bên; thay đổi theo dòng chảy
 - Giữa sông, suối; nếu đổi dòng biên giới thay đổi theo
 - Không xác định được biên giới
- 51. Trên mặt cầu bắc qua sông suối có biên giới quốc gia, việc xác định biên giới như thế nào?**
- Biên giới chính giữa cầu, không kể đến biên giới dưới sông, suối
 - Đầu cầu bên nào là biên giới quốc gia bên đó
 - Biên giới dưới sông, suối ở đâu thì biên giới trên cầu ở đó
 - Biên giới trên cầu là chính giữa dưới sông, suối
- 52. Xác định biên giới quốc gia trên biển bằng cách nào và ở đâu?**
- Hoạch định và đánh dấu bằng các tọa độ trên hải đồ, là ranh giới phía ngoài của lãnh hải
 - Hoạch định và đánh dấu bằng các tọa độ trên hải đồ, là ranh giới phía trong của lãnh hải

c. Hoạch định và đánh dấu bằng các tọa độ trên hải đồ, là ranh giới phía ngoài của vùng tiếp giáp lãnh hải

d. Hoạch định và đánh dấu bằng các tọa độ trên hải đồ, là ranh giới phía ngoài của vùng nội thủy

53. *Vùng lãnh thổ đặc biệt của quốc gia không gồm nội dung nào sau đây?*

- a. Tàu thuyền đánh cá của ngư dân trên vùng biển quốc tế
- b. Các tàu, thuyền treo quốc kì đi trên vùng biển quốc tế
- c. Đại sứ quán của quốc gia đặt trên lãnh thổ quốc gia khác
- d. Các công trình, cáp ngầm nằm ngoài phạm vi lãnh thổ quốc gia

54. *Mối quan hệ giữa quốc gia và lãnh thổ như thế nào?*

- a. Quốc gia được hình thành, tồn tại, phát triển trong phạm vi lãnh thổ
- b. Lãnh thổ quốc gia được hình thành, xác lập từ quốc gia
- c. Lãnh thổ được hình thành, tồn tại trong phạm vi quốc gia
- d. Quốc gia hình thành, tồn tại và phát triển cùng với lãnh thổ